

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN NINH SƠN - TỈNH NINH THUẬN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN NINH SƠN - TỈNH NINH THUẬN**

Ngày 29 tháng 12 năm 2023
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
GIÁM ĐỐC



Hồ Xuân Ninh

Ngày 22 tháng 12 năm 2023
UBND HUYỆN NINH SƠN
CHỦ TỊCH



Kiều Tấn Thịnh

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Mục đích lập kế hoạch sử dụng đất	1
2. Căn cứ pháp lý lập kế hoạch sử dụng đất.....	2
3. Các tài liệu chuyên môn.....	3
4. Phương pháp thực hiện	4
5. Tổ chức thực hiện	5
6. Các sản phẩm và nội dung của dự án.....	5
I. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI.....	5
1.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên	5
1.1.1. Vị trí địa lý	5
1.1.2. Địa hình	6
1.1.3. Khí hậu	6
1.1.4. Thủy văn	7
1.1.5. Các nguồn tài nguyên.....	8
1.2. Khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.....	9
1.2.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế	9
1.2.2. Thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực	10
1.2.3. Dân số, lao động	14
1.2.4. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn	14
1.2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng	16
1.2.6. An ninh, quốc phòng.....	18
1.2.7. Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2024	18
1.3. Hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai	21
1.3.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2023	21
1.3.2. Biến động đất đai	26
1.3.3. Công tác quản lý kế hoạch sử dụng đất	30
1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường	31
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC	32
2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023.....	32
2.1.1. Kết quả thực hiện danh mục các công trình, dự án:.....	32
2.1.2. Đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023.....	55
2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023	64
2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.....	64
III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024.....	65
3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất	65
3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.....	65
3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất.....	65

3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân	66
3.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất giữa các ngành, lĩnh vực	66
3.3.1. Đất nông nghiệp	69
3.3.2. Đất phi nông nghiệp	71
3.3.3. Đất chưa sử dụng	76
3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích	76
3.5. Diện tích các loại đất cần phải thu hồi đất	77
3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng	78
3.7. Danh mục các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024	78
3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất 2024	83
IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	84
4.1. Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu	84
4.2. Các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất	85
4.3. Các giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư	86
4.4. Giải pháp về khoa học, công nghệ	86
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	87
I. KẾT LUẬN	87
II. KIẾN NGHỊ	87

ĐẶT VẤN ĐỀ

Luật Đất đai năm 2013, Điều 22 quy định: Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là 1 trong 15 nội dung quản lý nhà nước về đất đai; Điều 52 quy định: việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Huyện Ninh Sơn nằm phía Tây tỉnh Ninh Thuận, trung tâm huyện lỵ cách thành phố Phan Rang-Tháp Chàm 36 km. Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện là 77.164,74 ha ha (chiếm 23,06% diện tích tự nhiên của tỉnh), có 8 đơn vị hành chính (01 thị trấn và 7 xã).

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Ninh Sơn đã được phê duyệt tại Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Đây là cơ sở pháp lý để lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ninh Sơn được phê duyệt tại Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 11/6/2023 và được phê duyệt cập nhật, bổ sung tại Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Việc lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai ngày 29/11/2013 (tại Khoản 3, 4 Điều 40), Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 Luật sửa đổi, bổ sung 37 luật liên quan đến quy hoạch (tại Điều 6); Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (tại Khoản 3 Điều 7); Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai (sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 9 NĐ số 43/2014/NĐ-CP) và hướng dẫn tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành, các tổ chức có liên quan đến nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn huyện.

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013 và thực hiện nhiệm vụ của UBND huyện giao Phòng Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Phân viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp miền Trung Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ninh Sơn làm căn cứ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và đấu giá quyền sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Ninh Sơn trong năm 2024 theo đúng quy định pháp luật.

1. Mục đích lập kế hoạch sử dụng đất

- Cụ thể hóa nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch 2024 các dự án, công trình thực hiện trên địa bàn huyện của các ngành TW, tỉnh, của huyện và các xã, thị trấn. Góp phần quản lý chặt chẽ tài nguyên đất đai theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật; đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, đảm bảo phát triển bền vững.

- Xác định diện tích các loại đất, diện tích các khu chức năng để điều chỉnh

diện tích một số loại đất trong các khu chức năng khi có công trình, dự án phát sinh trong năm kế hoạch mà không làm thay đổi diện tích các khu chức năng trong kỳ QHSD đất đến năm 2030 được phê duyệt.

- Làm căn cứ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và đấu giá quyền sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

2. Căn cứ pháp lý lập kế hoạch sử dụng đất

- Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013.
- Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, ngày 20 tháng 11 năm 2018;
- Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật Đất đai;
- Nghị định số 01/NĐ-CP ngày 6/1/2017 của Chính Phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 148/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính Phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính Phủ phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2025, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021- 2025;
- Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10/11/2023 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt Danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;
- Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;
- Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận Về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất tỉnh thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất tỉnh 5 năm (2021-2025) cho các huyện, thành phố;

- Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Ninh Sơn;

- Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 11/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ninh Sơn;

- Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt cập nhật, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ninh Sơn;

- Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 1960/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn về việc phê duyệt dự toán lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 2001/QĐ-UBND ngày 04/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Các văn bản khác có liên quan.

3. Các tài liệu chuyên môn

- Báo cáo chính trị Đại hội đảng bộ huyện, nhiệm kỳ 2021-2025.

- Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận

- Kế hoạch phát triển KT-XH trung hạn 5 năm (2021-2025) huyện Ninh Sơn.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình, dự án trên địa bàn huyện năm 2024.

- Tài liệu quy hoạch chung xây dựng và quy hoạch chi tiết xây dựng khu thị trấn Tân Sơn, các khu dân cư nông thôn.

- Tài liệu quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

- Tài liệu quy hoạch chi tiết sản xuất nông nghiệp các xã (*thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới*).

- Tài liệu quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025
 - Tài liệu quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch các ngành liên quan đến sử dụng đất trên địa bàn huyện.
 - Kết quả thống kê đất đai năm 2022 và năm 2023 cấp xã, cấp huyện.
 - Rà soát kết quả thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, bán đấu giá quyền sử dụng đất, cho thuê đất và tổng hợp hiện trạng sử dụng đất năm 2023 toàn huyện.
 - Báo cáo số 299/BC-SNNPTNT của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ngày 19/5/2023 Báo cáo Kết quả rà soát, hoàn thiện nội dung trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.
 - Niên giám thống kê huyện các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022
- Các tài liệu khác có liên quan.

4. Phương pháp thực hiện

*** Nhóm phương pháp thu thập số liệu**

- Phương pháp điều tra, khảo sát thực địa: Là phương pháp được dùng để điều tra, thu thập số liệu, tài liệu, bản đồ, thông tin về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước; thu thập tình hình thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất theo phương án quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt. Khảo sát thực địa tại các xã và thị trấn Tân Sơn để xác định, khoanh vẽ lên bản đồ địa chính vị trí, ranh giới, hiện trạng sử dụng đất của các thửa đất sẽ chuyển mục đích sử dụng để thực hiện các công trình, dự án trong năm kế hoạch năm 2024.

- Phương pháp kế thừa, chọn lọc tài liệu đã có: Trên cơ sở các tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập được tiến hành phân loại, chọn lọc, kế thừa các tài liệu đã được phê duyệt và các công trình, dự án trong kế hoạch năm 2023 chưa thực hiện chuyển sang thực hiện năm 2024; các công trình, dự án mới triển khai năm 2024.

*** Phương pháp xử lý số liệu, bản đồ**

Các số liệu thu thập được phân tích, xử lý bằng phần mềm Excel. Các số liệu được tính toán, phân tích theo các bảng, biểu kết hợp với phân thuyết minh. Bản đồ được xây dựng bằng sử dụng phần mềm như Microstation, MapInfor,...

*** Phương pháp thống kê, so sánh và phân tích**

Trên cơ sở các số liệu, tài liệu thu thập được, tiến hành phân nhóm, thống kê diện tích các công trình, dự án đã thực hiện theo kế hoạch; chưa thực hiện, hoặc đang thực hiện dở dang; tổng hợp, so sánh và phân tích các yếu tố tác động đến việc thực hiện phương án QH, KHSD đất. So sánh các chỉ tiêu thực hiện so với mục tiêu đề ra trong phương án QH, KHSD đất để tính tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch sử dụng đất.

*** Phương pháp minh họa trên bản đồ**

Các loại đất chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch năm 2024

được thể hiện trên bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện tỷ lệ 1/25.000...Phương pháp minh họa bằng bản đồ có sử dụng các phần mềm chuyên dụng làm bản đồ (*như Microstation, Mapinfor, ...*).

5. Tổ chức thực hiện

- Tên dự án: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Chủ quản đầu tư: UBND huyện Ninh Sơn.

- Chủ đầu tư: Phòng Tài nguyên và Môi trường.

- Đơn vị tư vấn thực hiện: Phân viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp miền Trung (*Viện quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*).

- Cơ quan thẩm định: Hội đồng thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của UBND tỉnh Ninh Thuận.

- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

6. Các sản phẩm và nội dung của dự án

*** Các sản phẩm của dự án**

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận (kèm theo hệ thống bảng biểu, phụ biểu tính toán, bản đồ thu nhỏ).

- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ninh Sơn, tỷ lệ 1/25.000.

- Bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thể hiện trên nền bản đồ địa chính.

- Đĩa CD ghi các sản phẩm (báo cáo, số liệu, các loại bản đồ số)

*** Nội dung chính của báo cáo**

- Đặt vấn đề.

- Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội.

- Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

- Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

- Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Kết luận và kiến nghị

I. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

1.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Huyện Ninh Sơn nằm phía Tây của tỉnh Ninh Thuận, cách trung tâm hành chính tỉnh (*TP Phan Rang – Tháp Chàm*) 50 km; huyện có 7 xã và 1 thị trấn với tổng diện tích tự nhiên 77164,74 ha, chiếm 23,06% tổng diện tích tự nhiên của toàn tỉnh. Ranh giới huyện có tọa độ địa lý như sau:

- Từ 11°29' đến 11°55'38" vĩ độ Bắc;
 - Từ 108°32'46" đến 108°56'52" kinh độ Đông.
- Đường ranh giới tiếp giáp với các địa phương sau:
- Phía Bắc giáp huyện Bác Ái;
 - Phía Nam giáp huyện Ninh Phước;
 - Phía Tây giáp tỉnh Lâm Đồng;
 - Phía Đông giáp TP. Phan Rang - Tháp Chàm;
 - Phía Tây Nam giáp tỉnh Bình Thuận.

Với vị trí là cửa ngõ phía Tây của tỉnh Ninh Thuận, có tuyến Quốc lộ 27 và 27B chạy qua nối liền thành phố Phan Rang – Tháp Chàm với thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và TP Cam Ranh, tỉnh Khánh Hoà; tuyến Tỉnh lộ 707 nối liền với huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hoà. Đây là điều kiện thuận lợi để huyện giao lưu với địa bàn Tây Nguyên và Duyên hải Miền Trung, cũng là những nhân tố để huyện đẩy mạnh phát triển công nghiệp, thương mại-dịch vụ,... với các địa phương trong vùng.

1.1.2. Địa hình

Ninh Sơn có địa hình chia cắt mạnh và uốn lượn nhiều, gồm 3 dạng địa hình chính:

- Địa hình vùng đồng bằng: Hình thành do quá trình bồi tụ của sông Cái Ninh Thuận (*khu vực Nhơn Sơn với diện tích khoảng 3.100 ha*) tương đối bằng phẳng, độ cao từ 10 – 25m, độ dốc dưới 5°, đất đai màu mỡ và rất thuận lợi cho trồng lúa và các cây công nghiệp ngắn ngày.

- Địa hình vùng gò đồi núi thấp: gồm các Mỹ Sơn, Quảng Sơn, Hoà Sơn, TT Tân Sơn, Lương Sơn với diện tích khoảng 27.071 ha, hình thành từ bậc chuyển tiếp đồng bằng lên vùng núi cao. Vùng này có địa hình chủ yếu là dạng lượn sóng (3-8°) và xen lẫn các đồi thấp, độ cao từ 50 – 200m. Đất xám trên đá macma axit và đất xám trên vùng bán khô hạn tập trung chủ yếu ở vùng này, tầng đất canh tác mỏng (*từ 30 – 70cm*), thảm thực vật chủ yếu là rừng nghèo kiệt và là nơi tập trung đất trồng màu, cây công nghiệp hàng năm và lâu năm... Hiện nay diện tích đất đồi núi chưa sử dụng phân bố ở địa hình này tương đối nhiều và có khả năng khai thác vào mục đích sản xuất nông, lâm nghiệp.

- Địa hình đồi núi: Tập trung ở 3 Hoà Sơn, Ma Nới và Lâm Sơn với diện tích trên 46.800 ha. Ở vùng này có những ngọn núi cao từ 1.300 – 1.700m như núi Tầm Ngâm – Lâm Sơn cao 1.500m, núi BonNonh – Lâm Sơn cao 1.625m, núi Ma Rông – Ma Nới cao 1.359m... Đây là vùng có địa hình phức tạp, dốc cao, chiều dài sườn dốc ngắn, hướng dốc chủ yếu là Tây -> Đông, Bắc -> Nam. Do phân bố ở địa hình cao, độ dốc lớn, quá trình rửa trôi, xói mòn xảy ra mạnh nên tại vùng này chủ yếu tập trung đất xói mòn trơ sỏi đá với tầng canh tác mỏng. Vùng địa hình này thích hợp cho việc trồng mới và khoanh nuôi phát triển rừng.

1.1.3. Khí hậu

Khí hậu huyện Ninh Sơn thuộc tiểu vùng II.2 có đặc điểm như sau:

- Nhiệt độ trung bình trong năm $26,5^{\circ}\text{C}$ - 27°C , trung bình năm cao nhất 32°C và năm thấp nhất $23,7^{\circ}\text{C}$. Tổng tích ôn 9.500°C .

- Lượng mưa tăng theo độ cao, trung bình năm từ 1000mm-1.200mm (cao hơn trung bình năm của tỉnh) số ngày mưa trong năm 80-104 ngày.

- Lượng bốc hơi từ 1.650 – 1.850 mm, nhiệt độ trung bình năm 27°C , độ ẩm không khí bình quân 75-78%, năng lượng bức xạ lớn 160Kcal/m^2 .

- Số giờ nắng trong năm khoảng 2.500-2.700 giờ, nền nhiệt cao, thời gian chiếu sáng dài và khá đồng đều, đây là điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp.

Ninh Sơn có vị trí khá đặc biệt về mặt địa lý, là vùng đệm giữa cao nguyên Lâm Đồng nên quanh năm mát mẻ hơn so với các vùng khác trong tỉnh và chia thành hai mùa rõ rệt: Mùa khô có gió mùa Đông Bắc, mang đặc tính của vành đai tín phong và không khí nhiệt đới ít hơi ẩm, nóng và hầu như không có mưa, kéo dài từ tháng 12 năm trước đến tháng 7 năm sau; Mùa mưa có gió mùa Đông Nam, mang nhiều hơi ẩm từ biển Đông, thuộc không khí xích đạo và nhiệt đới, có đặc tính nóng, ẩm và mưa nhiều. Mùa mưa kéo dài từ đầu tháng 8 đến cuối tháng 11. Với đặc điểm khí hậu như vậy cần bố trí các loại cây trồng phù hợp với điều kiện sinh thái và đất đai để có năng suất cao cũng như thực hiện các biện pháp kỹ thuật canh tác phù hợp để bảo vệ đất chống xói mòn và bảo vệ môi trường.

1.1.4. Thủy văn

Hệ thống sông suối trên địa bàn huyện nhiều và phân bố khá đều về không gian. Các hệ thống sông chính gồm có:

- Sông Cái Ninh Thuận (*sông Dinh*): bắt nguồn từ tỉnh Khánh Hoà chạy theo hướng Nam qua huyện Bắc Ái, Ninh Sơn, TP. Phan Rang - Tháp Chàm rồi đổ ra biển Đông. Đây là con sông lớn nhất tỉnh Ninh Thuận, nguồn nước dồi dào quanh năm và là nguồn cung cấp nước chủ yếu để tưới cho cây trồng và cấp nước sinh hoạt. Vùng hạ lưu sông Cái đã xây dựng đập Nha Trinh và Lâm Cẩm tưới cho các vùng đất nông nghiệp thuộc huyện Ninh Phước, Ninh Hải và TP. Phan Rang - Tháp Chàm. Vùng thượng lưu thuộc địa bàn huyện Ninh Sơn và Bắc Ái đã triển khai xây dựng đập dâng Tân Mỹ và hồ Sông Cái để trữ nước mở rộng diện tích tưới mùa khô và hạn chế lũ lụt trong mùa mưa.

- Sông Ông: chảy theo hướng từ Tây sang Đông rồi đổ vào sông Cái. Trên sông này đã xây dựng đập 19/5 và đập Krông Pha tưới cho vùng trồng lúa, mía, ... của huyện; hiện nay đã xây dựng thủy điện và khu du lịch sông Ông.

- Sông Than: chảy theo hướng Nam -> Bắc rồi đổ vào sông Cái. Trên sông này dự kiến xây dựng hồ chứa nước sông Than với công suất tưới thiết kế 3.700 ha để mở rộng diện tích đất trồng lúa, cây hoa màu, cây ăn quả,...

- Sông Cho Mo: sông chảy theo hướng từ Đông (từ huyện Bắc Ái) sang Tây rồi đổ vào sông Cái. Trên sông đã xây dựng hồ chứa nước Cho Mo (*trên 2 huyện Ninh Sơn và Bắc Ái*) với diện tích tưới thiết kế 1.230 ha để mở rộng diện tích đất trồng màu, cây công nghiệp.

- Hệ thống sông, suối ở huyện Ninh Sơn khá nhiều và khả năng khai thác

vào phát triển sản xuất và đời sống có nhiều thuận lợi.

1.1.5. Các nguồn tài nguyên

* Tài nguyên đất

Theo kết quả điều tra phân loại đất trên bản đồ tỷ lệ 1/50.000 năm 1978 và kết quả điều tra bổ sung, chỉnh lý bản đồ đất tỉnh Ninh Thuận năm 2004 (do Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp), huyện Ninh Sơn có các nhóm đất sau:

Biểu 1: Tổng hợp diện tích các nhóm đất, loại đất của huyện Ninh Sơn

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên		77164,74	100
I	Nhóm đất phù sa		2857,00	3,69
1	Đất phù sa không được bồi trung tính ít chua	Pe	1920,00	2,48
2	Đất phù sa có tầng loang lỗ đỏ vàng	Pf	758,00	0,98
3	Đất phù sa ngòi suối	Py	179,00	0,23
II	Nhóm đất xám và bạc màu		3244,00	4,2
1	Đất xám có tầng loang lỗ	Xf	512,00	0,66
2	Đất xám glây	Xg	2732,00	3,53
III	Nhóm đất đỏ và xám nâu vùng bán khô hạn		31694,00	40,99
1	Đất đỏ vùng bán khô hạn	Dk	3115,00	4,03
2	Đất xám nâu vùng bán khô hạn	Xk	28579,00	36,96
IV	Nhóm đất đỏ vàng		36722,74	47,49
1	Đất đỏ vàng trên đá sét và biến chất	Fs	937,00	1,21
2	Đất vàng đỏ trên đá mác ma axit	Fa	35659,38	46,11
V	Nhóm đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ		58,00	0,08
1	Đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ	D	58,00	0,08
VI	Nhóm đất mòn trơ sỏi đá		1008,00	1,3
1	Đất xói mòn trơ sỏi đá	E	1008,00	1,3
VII	Sông, suối, ao, hồ và mặt nước		1581,00	2,26

Nguồn: Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp – năm 2004

* Tài nguyên nước

- Nguồn nước mặt: So với các huyện khác trong tỉnh, nguồn nước mặt trên địa bàn huyện Ninh Sơn khá phong phú. Ngoài nguồn nước tại chỗ, huyện còn được nguồn cấp nước bổ sung lớn từ thủy điện Đa Nhim, hồ Cho Mo, hệ thống thủy lợi Sông Cái – Tân Mỹ và một số công trình thủy lợi để tưới cho cây trồng

và cấp nước sinh hoạt tự chảy.

- Nước ngầm: Hiện tại, chưa có tài liệu tìm kiếm và thăm dò nguồn nước ngầm một cách hoàn chỉnh và đầy đủ, nhưng theo kết quả điều tra về nguồn nước ngầm trên địa bàn huyện thì phần lớn tầng địa chất của huyện đều rất nghèo nước ngầm, lưu lượng thấp và phân bố sâu. Đây là nguồn nước bổ sung cho nguồn nước mặt trong mùa khô. Hiện nay khai thác chủ yếu cho sinh hoạt (*khoan giếng, đào giếng*).

*** Tài nguyên rừng**

Tổng diện tích đất rừng toàn huyện có 44.559,37 ha, trong đó: đất rừng phòng hộ 33399,47 ha, đất rừng sản xuất 11159,9 ha.

Diện tích đất rừng phòng hộ của huyện chủ yếu tập trung tại Ma Núi, Lâm Sơn, Hoà Sơn và Lương Sơn. Phần lớn là diện tích rừng tự nhiên phòng hộ, có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường, phòng chống xói mòn sạt lở đất.

Về chất lượng rừng thì chủ yếu là rừng trung bình, rừng nghèo nên tác dụng ngăn lũ trong mùa mưa bị hạn chế. Thực vật ở đây rất phong phú đa dạng, có nhiều gỗ quý Hương, Gõ,... và thú rừng, nhưng trữ lượng gỗ còn lại thấp và thú rừng cũng đang cạn kiệt dần bởi nạn khai thác, phá rừng làm rẫy, săn bắn trái phép ở các khu vực đèo Ngoạn Mục, hồ Đa Nhím, Ma Núi gây thiệt hại đến tài nguyên rừng.

*** Tài nguyên khoáng sản**

Theo Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Ninh Thuận, khu vực Ninh Sơn được xác định quy mô và trữ lượng như sau:

- Sét xây gạch ngói: tập trung ở Mỹ Sơn, Nha Hồ, cây số 42, 43, 44, trữ lượng dự báo 3 triệu m³, trữ lượng có thể khai thác 1,21 triệu m³.

- Đá Xây dựng: Tập trung ở Lâm Sơn, Đèo Cậu, trữ lượng 908,6 triệu m³.

- Khai thác cát xây dựng dọc theo sông Cái Ninh Thuận, có 2 mỏ cát lớn tại Mỹ Sơn và Nhơn Sơn; trữ lượng ước 2,6 triệu m³.

- Nguồn nguyên liệu để sản xuất đá chế xây dựng ở huyện Ninh Sơn có trữ lượng 3,4 triệu m³.

- Nguồn nguyên liệu để khai thác vật liệu san lấp ở huyện Ninh Sơn có trữ lượng 28,5 triệu m³, chủ yếu ở các khu vực chân núi, phục vụ cho nhu cầu san lấp mặt bằng.

- Ngoài ra trên địa bàn còn có mỏ nước khoáng ở Tân Mỹ, hiện đang được khai thác phục vụ cho phát triển du lịch.

1.2. Khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

1.2.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Năm 2023, là năm giữa kỳ thực hiện kế hoạch 5 năm 2020-2025, để hoàn thành tốt kế hoạch trung hạn 5 năm, đòi hỏi các ngành, các cấp, nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn huyện tiếp tục tăng cường đoàn kết, nhất trí, năng động sáng tạo, đổi mới tư duy và hành động một cách mạnh mẽ, nỗ lực phấn đấu

cao nhất, chung sức thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2023. Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội năm 2023 trong bối cảnh có những thuận lợi như: tình hình dịch bệnh COVID-19 đã được kiểm soát, hoạt động sản xuất, kinh doanh có bước phục hồi; tuy nhiên, nổi lên một số khó khăn mới so với dự báo, tác động của tình hình cả nước, trong tỉnh, nhất là tình hình thị trường bất động sản trầm lắng, giá cả vật tư nông nghiệp tăng, giá xăng dầu tăng...; với quyết tâm khắc phục những khó khăn, thách thức, phấn đấu hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm 2023 đã đề ra. Ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân huyện đã triển khai kịp thời các nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng- an ninh năm 2023 tại Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 18/01/2023. Kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế- xã hội năm 2023 trên địa bàn huyện đạt được như sau:

- Tốc độ tăng trưởng đạt 14,02% (kế hoạch 14%), trong đó: nông - lâm - thủy sản: 7,53% (kế hoạch 6%); công nghiệp - xây dựng: 18,67% (kế hoạch 18-19%); thương mại - dịch vụ: 12,77% (kế hoạch 11%).

- Cơ cấu kinh tế: nông - lâm - thủy sản chiếm 31,7% (kế hoạch 32%); công nghiệp - xây dựng chiếm 53,3% (kế hoạch 53%); thương mại - dịch vụ chiếm 15% (kế hoạch 15%).

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 54,45 triệu đồng (kế hoạch 49 triệu đồng);

- Thu ngân sách trên địa bàn huyện tính đến ngày 15/11/2023 được 70/78/88 tỷ đồng, đạt 89,74% theo chỉ tiêu tỉnh giao và đạt 79,55% theo NQ HĐND huyện giao; ước đến ngày 31/12/2023 sẽ thu được 78/78/88 tỷ đồng, đạt 100% chỉ tiêu tỉnh giao và đạt 88,64% theo NQ HĐND huyện giao.

- Xây dựng 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới (xã Hòa Sơn ước đạt năm 2023)..

1.2.2. Thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông- lâm nghiệp và thủy sản

Giá trị sản xuất ngành nông - lâm - thủy sản đạt 1.713,5 tỷ đồng, tăng 7,53% so với cùng kỳ (trong đó: trồng trọt 1.089 tỷ đồng, tăng 5,43%; chăn nuôi đạt 601,7 tỷ đồng, tăng 11,41%; lâm nghiệp đạt 17,9 tỷ đồng, tăng 10,49%; thủy sản đạt 4,9 tỷ đồng tăng 11,36%).

* **Trồng trọt:** Tổng diện tích thu hoạch toàn huyện đạt 25.523,5 ha/24.503 ha, đạt 104,2% kế hoạch cả năm, tăng 2,3% so với cùng kỳ. Tổng sản lượng lương thực ước đạt 91.093 tấn/80.555 tấn, đạt 113,1% kế hoạch năm, tăng 1,6% so cùng kỳ (trong đó: Thóc đạt 62.251 tấn đạt 105,7% kế hoạch năm, tăng 1,4% so cùng kỳ).

- Năm 2023 đã triển khai thực hiện mở rộng khoảng 300 ha diện tích tưới được hưởng lợi từ hệ thống thủy lợi Sông Cái, Tân Mỹ; đồng thời duy trì diện tích sản xuất nông nghiệp vùng tưới hệ thống thủy lợi vùng tưới Sông Cái, Tân Mỹ khoảng 1.840 ha, nâng tổng diện tích tưới lên 2.140 ha. Tổng thu nhập trên một đơn vị diện tích (01ha) đạt 106,6 triệu đồng, tăng 3,22% so với cùng kỳ. Giá trị sản phẩm trồng trọt/1ha đạt 106,6 triệu đồng, tăng 3,23%; Giá trị sản phẩm

cây hàng năm/1ha đạt 103 triệu đồng, tăng 3,88%; Giá trị sản phẩm cây lâu năm/1ha đạt 130,3 triệu đồng, tăng 0,3%; Giá trị sản phẩm nuôi trồng thủy sản/1ha đạt 124,7 triệu đồng.

- Toàn huyện có 20 trang trại trồng trọt ứng dụng công nghệ cao, diện tích có 113,85 ha, tăng 11,6% so với cùng kỳ, trong đó:

+ Xã Mỹ Sơn 38,4 ha gồm: Công ty Năng và Gió 13,1ha (táo, nho, ổi, dưa lưới); Công ty Ladofam 20ha nho rượu; Công ty Năng lượng Việt 3,6ha dưa lưới; Foodfam 0,8ha dưa lưới; hộ Ngô Văn Bảo 0,9ha dưa lưới;

+ Xã Nhơn Sơn 30,25 ha gồm: Công ty giống cây trồng Nha Hồ 30ha măng tây xanh và hộ ông Nguyễn Đình Trí 0,25ha nho trong nhà kính. Xã Quảng Sơn: hộ ông Nguyễn Thất 0,2ha dưa lưới.

+ Xã Lương Sơn 37,8 ha: hộ Ngọc Hiền 26 ha chanh không hạt, hộ ông Lương Tuấn Dũng 2 ha dưa lưới, hộ ông Đinh Công Vàng sản xuất 0,7 ha dưa lưới; hộ ông Phạm Quốc Công sản xuất 0,7 ha dưa lưới; hộ bà Diệp Hồng Trang 0,7 ha dưa lưới; hộ ông Nguyễn Duy Khánh 0,7 ha dưa lưới; hộ ông Nguyễn Đức Dũng 7 ha cà tím.

+ Thị trấn Tân Sơn: cơ sở An Lành sản xuất 0,4 ha dưa lưới.

+ Xã Lâm Sơn 6,8 ha: HTX Tương Lai Xanh 0,4ha dưa lưới, hộ anh Sang đầu tư 05 ha trồng lan trong nhà kính; hộ Thái Xuân Thư 01 ha hoa lan, trại lan cô Định 0,4 ha.

- Về công tác chuyển đổi cây trồng: Năm 2023 chuyển đổi 450,4/300 ha, đạt 150,1% kế hoạch, tăng 01 % so với cùng kỳ, (trong đó chuyển đổi từ đất lúa 284,9 ha, đất khác 165,5 ha; chuyển sang cây ngắn ngày 423,9 ha (bắp, đậu xanh, đậu phộng, dưa, kiệu, mía, mì, rau màu các loại...), cây dài ngày 26,5 ha (xoài, dứa...).

- Về triển khai cánh đồng lớn năm 2023: việc triển khai mô hình cánh đồng lớn sản xuất lúa gắn với tiêu thụ sản phẩm trên diện tích 450 ha, cụ thể:

+ Vụ Đông xuân 2022-2023: 450ha. Trong đó: xã Lương Sơn thực hiện 03 CĐL duy trì với tổng diện tích 250ha/155 hộ; xã Nhơn Sơn thực hiện 01 CĐL duy trì với diện tích 200 ha/352 hộ.

+ Vụ Hè Thu 2023: 250ha. Trong đó: Xã Lương Sơn thực hiện 03 CĐL duy trì với tổng diện tích 250ha/155 hộ.

+ Vụ Mùa 2023: 450ha. Trong đó: Xã Lương Sơn thực hiện 03 CĐL duy trì với tổng diện tích 250ha/155 hộ; xã Nhơn Sơn thực hiện 01 CĐL duy trì với diện tích 200ha/352hộ.

* **Chăn nuôi - Thú y:** Công tác tiêm phòng, vệ sinh tiêu độc khử trùng được ngành Thú y phối hợp cùng địa phương quan tâm hướng dẫn và thực hiện nghiêm túc, kết quả đã triển khai 02 đợt phun xịt tập trung; cấp phát cho các trang trại và hộ dân hóa chất Benkocit để phun tại các điểm công công, trang trại với 216 lít hóa chất. Nhờ thực hiện tốt công tác chủ động phòng ngừa nên dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm không xảy ra. Hiện nay tổng đàn gia súc, gia cầm được duy trì ổn định với 381.944 con/3.691 hộ. Trong đó: Trâu 134 con; bò 18.852 con; Dê 8.440 con; cừu 9.029 con; Lợn 87.647 con (*Lợn thịt: 39.753 con; Lợn*

nái 17.185 con; Lợn đực giống 209 con; Lợn con: 30.500 con); Gà 161.081 con; Vịt 124.717 con.

* **Lâm nghiệp, quản lý bảo vệ rừng:** Công tác tuần tra, truy quét chống phá rừng được tổ chức thường xuyên, liên tục tại các vùng rừng trọng điểm, đặc biệt là tại các khu vực rừng giáp ranh với huyện Đơn Dương, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng và tuần tra, kiểm tra truy quét sâu vào lâm phần của các đơn vị chủ rừng. Từ đầu năm đến nay các lực lượng chức năng trên địa bàn huyện đã phối hợp tổ chức 209 đợt truy quét chống phá rừng, huy động 1.174 lượt người tham gia; 648 đợt tuần tra, kiểm tra thường xuyên, với 2.194 lượt người tham gia. Số vụ vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp 13 vụ, giảm 07 vụ so với cùng kỳ năm 2022 (*trong đó: Phá rừng trái pháp luật 07 vụ, vi phạm về quảng cáo, mua bán động vật trái phép: 01 vụ, vận chuyển lâm sản trái pháp luật: 05 vụ*); các vi phạm khác nhỏ lẻ không đáng kể (xử lý vắng chủ) 35 vụ (*Toàn bộ các vụ việc đã thiết lập hồ sơ vi phạm để xử lý theo quy định của pháp luật. Tạm giữ: 21,945 m³ gỗ tròn, xẻ các loại; 2.739 kg gỗ có hình thù phức tạp, nhóm IIa; 9,160 Ster Củi; 28 xe mô tô; 01 xe ô tô; 02 xe kéo tay; 04 máy cưa xăng*). Từ đầu năm 2023 đến nay trên địa bàn huyện Ninh Sơn không xảy ra cháy rừng. Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 50,53%.

* **Thủy Sản:** Diện tích nuôi trồng thủy sản 53,4 ha tăng 7,9% so với cùng kỳ; ước tính sản lượng thủy sản đạt 134 tấn đạt 106%, trong đó sản lượng nuôi trồng 125 tấn, tăng 5,9% so với cùng kỳ, sản lượng khai thác thủy sản nội địa 9,3 tấn, tăng 13,4% cùng kỳ năm trước.

b) Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng:

- Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng: đạt 3.121,3 tỷ đồng, tăng 18,67% so với cùng kỳ (trong đó, công nghiệp đạt 2.381,4 tỷ đồng tăng 18,07%; xây dựng đạt 739,9 tỷ đồng tăng 20,67% so cùng kỳ năm trước)

- Công nghiệp: Điện thương phẩm đạt 84,76 triệu kwh, tăng 4,37% so với cùng kỳ; điện sản xuất ước đạt 774,65 triệu kwh tăng 9,5% so với cùng kỳ; gạch các loại sản xuất được 41,5 triệu viên tăng 20,6% so với cùng kỳ; tinh bột mì ước tính sản xuất được 6.150 tấn; nước máy ghi thu 3.906 m³ tăng 24,35% so với cùng kỳ.

- Hợp tác xã: Hiện nay trên toàn huyện có 13 Hợp tác xã, trong đó có 11 HTX thuộc lĩnh vực nông nghiệp; 01 HTX thuộc lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; 01 HTX thuộc lĩnh vực Xây dựng - Thương mại dịch vụ. Công tác hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tiếp tục được quan tâm chỉ đạo quyết liệt, sâu sát hơn, hầu hết các nhiệm vụ trọng tâm của Ban Chỉ đạo đều được các phòng, ban, ngành liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc, bảo đảm yêu cầu nội dung và thời gian quy định; công tác quản lý nhà nước đối với hợp tác xã được tăng cường. Kết quả hoạt động của Hợp tác xã và thu nhập của xã viên năm 2023 có khởi sắc hơn so với cùng kỳ.

- Đầu tư Xây dựng: Đã quyết toán hoàn thành 12/12 công trình hoàn thành đạt 100% với tổng giá trị quyết toán 33.192 triệu đồng. Năm 2023 triển khai thực hiện 12 công trình với tổng số vốn là 39.184 triệu đồng. Cấp 122 Giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ trên địa bàn huyện với tổng vốn hơn 122 tỷ đồng. Đã triển

khai thi công nhựa hóa và bê tông hóa hơn 51km đường giao thông nông thôn trên địa bàn toàn huyện. Ngoài ra, được sự quan tâm của tỉnh đã đầu tư tuyến đường Tân Sơn – Tà Năng với tổng kinh phí 1.050 tỷ đồng (giai đoạn I đã hoàn thành 29Km đường nhựa nóng từ Tân Sơn đi Tà Nội), tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân đi lại và nâng tỷ lệ đạt chuẩn đô thị loại 4 của thị trấn Tân Sơn và Nông thôn mới của các xã. Triển khai công tác xây dựng Quy hoạch vùng huyện song song cùng với quy hoạch tỉnh; công tác quy hoạch trung hành chính xã cũng như quy hoạch xã đang được triển khai đẩy mạnh thực hiện. Công tác quản lý quy hoạch luôn được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời. Công tác chỉnh trang đô thị, duy tu sửa chữa đường giao thông, hệ thống chiếu sáng luôn được huyện quan tâm chú trọng đầu tư như thay mới điện đường dọc tuyến đường trung tâm huyện (đường Lê Duẩn), nâng cấp chỉnh trang công viên 3/4,

c) Thương mại - Dịch vụ:

- Giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ: đạt 945,9 tỷ đồng, tăng 12,77% so cùng kỳ.

- Hoạt động thương mại - dịch vụ phát triển ổn định; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng khá, ước đạt 2.126,7 tỷ đồng (tăng 17,2%). Phối hợp tổ chức phiên chợ Hàng Việt về nông thôn; Hội chợ thương mại Công nghiệp thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng trên địa bàn huyện, góp phần kích cầu tiêu dùng, hỗ trợ phát triển kinh tế tại địa phương.

- Công tác cấp giấy phép đăng ký kinh doanh được thực hiện theo đúng quy định; các ngành dịch vụ vận tải, du lịch, bưu chính viễn thông, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm... phát triển đa dạng. Năm 2023 đã cấp 394 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho các lĩnh vực dịch vụ sản xuất với tổng vốn đăng ký kinh doanh là 115.833 tỉ đồng;

- Tổ chức thành công Lễ hội trái cây Ninh Sơn với kinh phí hơn 4.000 triệu đồng từ nguồn xã hội hóa; qua Lễ hội đã thu hút được một số nhà đầu tư biết đến Ninh Sơn và triển khai đầu tư như mô hình thí điểm du lịch cộng đồng nông thôn gắn với sản phẩm đặc thù trên địa bàn xã Lâm Sơn năm 2023,

d) Tài chính, Ngân hàng

- Công tác thu chi ngân sách được quan tâm chỉ đạo, điều hành đúng quy định. Tổng thu ngân sách năm 2023: 438/374.418 triệu đồng đạt 117%, tăng 13% so với cùng kỳ (trong đó, thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: 360.670/286.418 triệu đồng đạt 125%, tăng 19% so với cùng kỳ). Thu ngân sách trên địa bàn tính đến ngày 15/11/2023 được 70/78/88 tỷ đồng, đạt 89,74% theo chỉ tiêu tỉnh giao và đạt 79,55% theo NQ HĐND huyện giao; ước đến ngày 31/12/2023 sẽ thu được 78/78/88 tỷ đồng, đạt 100% chỉ tiêu tỉnh giao và đạt 88,64% theo NQ HĐND huyện giao. Tổng chi ngân sách huyện: 493.987/432.039 triệu đồng, đạt 114% dự toán năm, so với cùng kỳ tăng 28%.

- Tổng số vốn huy động tại địa phương năm 2023 ước đạt 1.173,2 tỷ đồng; tổng số vốn cho vay ước đạt 2.149,19 tỷ đồng, tăng 15,8% (trong đó: vay trung và dài hạn 1.199,3 tỷ đồng đạt 113,04% so với cùng kỳ, chiếm 55,8% trong tổng số vốn vay; vay ngắn hạn 949,88 tỷ đồng, đạt 119,57% và chiếm 44,2%). Ước

tính số dư nợ đến cuối năm là 2.753,9 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước tăng 15,16% (trong đó: dư nợ trung hạn và dài hạn 1.653,9 tỷ đồng, tăng 15% và chiếm 60%; dư nợ ngắn hạn 1.099,99 tỷ đồng, tăng 15,39% so với cùng kỳ và chiếm 40% trong tổng số dư nợ).

- Phát động đợt thi đua cao điểm **“90 ngày, đêm giải ngân vốn đầu tư công năm 2023”**. Kết quả giải ngân kế hoạch vốn đầu tư năm 2023 và vốn đầu tư 03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 kéo dài sang năm 2023 **tính đến ngày 15/11/2023** là: 86.378 triệu đồng/120.768 triệu đồng, đạt 71,5%; ước đến niên độ năm 2023 sẽ giải ngân 120.768 triệu đồng/120.768 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn.

1.2.3. Dân số, lao động

*** Dân số, phân bố dân cư**

- Dân số trung bình toàn huyện có 72.722 người. Mật độ dân số trung bình toàn huyện là 94 người/km². Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,0%.

- Phân bố dân cư: dân số thành thị 11.256 người, chiếm 15,5%; dân số nông thôn 61.466 người, chiếm 84,5%.

*** Lao động.**

Nguồn lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế có 39.710 người, chiếm khoảng 54,6% tổng dân số toàn huyện.

- Năm 2022 đã giải quyết việc làm cho 2.405 lao động, đào tạo nghề cho 458 lao động; Tỷ lệ hộ nghèo giảm 3% trong đó, riêng xã Ma Nới giảm 10,75%; Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 93,88%/tổng số dân; Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi giảm 0,1% còn 13,68%; Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên duy trì 1,0% (KH 1,0%); Tỷ lệ hộ dân được cấp nước (qua xử lý tập trung) 99%.

- Sáu tháng đầu năm 2023: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đạt 36,67%; giải quyết việc làm đạt 68,25% chỉ tiêu kế hoạch.

1.2.4. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn

*** Thực trạng phát triển đô thị**

Huyện có thị trấn Tân Sơn là đô thị đạt tiêu chuẩn đô thị loại V được thành lập theo Nghị định số 42/2000/NĐ-CP ngày 30/8/2000 của Chính phủ, là trung tâm chính trị, kinh tế - văn hoá hội, thương mại - dịch vụ của huyện Ninh Sơn. Tổng diện tích tự nhiên của thị trấn có 1.807,67 ha (cập nhật địa giới hành chính mới theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012), chiếm 2,34% tổng diện tích của toàn huyện. Dân số đô thị có 11.256 người, chiếm 15,5% dân số trung bình của huyện. Đất ở đô thị có 139,43 ha.

Thực hiện điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Tân Sơn đến năm 2025 (*Phê duyệt tại Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh Ninh Thuận*), đến nay các tuyến đường trục, các khu chức năng đô thị đã từng bước hình thành và phát triển theo đúng quy hoạch, tuy nhiên cũng chỉ mới tập trung dọc theo đường quốc lộ 27 và 27B.

Qua công tác rà soát, đánh giá hiện trạng hiện hữu, thị trấn Tân Sơn đạt 88/100 điểm và đạt 48/52 tiêu chuẩn; hiện nay theo quy định, thị trấn Tân Sơn

đảm bảo các điều kiện để trở thành đô thị loại 4.

*** *Thực trạng phát triển khu dân cư nông thôn***

- Các khu dân cư chủ yếu phân bố dọc theo các trục giao thông chính như quốc lộ 27, 27B; tỉnh lộ 705, 707, 708, 709 và các tuyến đường liên , đường trục thôn.... Phần lớn các công trình phục vụ cho đời sống, kinh tế, chính trị của các chủ yếu nằm trong khu dân cư nông thôn. Tổng diện tích đất ở nông thôn có 930,51 ha. Dân số nông thôn năm 2022 có 61.466 người, chiếm 84,5% dân số trung bình của huyện.

- Chương trình xây dựng Nông thôn mới: Tổng nguồn vốn đầu tư năm 2023 là 33.880 triệu đồng, nhờ nguồn vốn đầu tư nên hiện nay đã có 103,72 km đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (tăng 10 km so với cuối năm 2022); 166,4km đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm (tăng 10,18 km so với cuối năm 2022); 180,52km đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm (tăng 6,4km so với cuối năm 2022). Việc đầu tư hệ thống thủy lợi từ nguồn vốn Nông thôn mới đã nâng tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt trên 91% (tăng 5% so với cuối năm 2022). Số hộ dân được dùng điện thường xuyên và an toàn đạt 99,48% (tăng 3% so với cuối năm 2022); Hệ thống trường học từ cấp Mầm non đến cấp THCS đạt chuẩn về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt 97%; Có 53/53 thôn có nhà văn hóa - khu thể thao thôn; có 06/07 xã đã có chợ, riêng xã Ma Nới có nơi mua bán trao đổi hàng hóa khu trung tâm xã; 7/7 xã có hệ thống Trạm truyền thanh xã hoạt động ổn định; toàn huyện có 17.694/18.981 căn nhà được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố, đảm bảo đạt “3 cứng” (*nền cứng, khung cứng, mái cứng*) theo quy định.

Kết quả đạt các chỉ tiêu chủ yếu về Nông thôn mới:

- Về huyện Nông thôn mới: Đến cuối năm 2023 toàn huyện đạt chuẩn 5/9 tiêu chí về xây dựng nông thôn mới cấp huyện, tăng 01 tiêu chí về quy hoạch vùng huyện, đạt 100% chỉ tiêu đề ra.

- Về xã Nông thôn mới: Qua kết quả rà soát đạt 125 tiêu chí (trung bình 17,8 tiêu chí/xã), tăng 5 tiêu chí so với cuối năm 2022, cụ thể: Các xã đã đạt chuẩn, đạt 19/19 tiêu chí, có 5 xã: 1- xã Nhơn Sơn, 2- xã Lâm Sơn, 3- xã Lương Sơn, 4- xã Quảng Sơn, 5- xã Mỹ Sơn. Xã Hòa Sơn năm 2023 đạt 19/19 tiêu chí (*Đang hoàn thiện hồ sơ trình tỉnh công nhận*). Xã Ma Nới: đạt 11/19 tiêu chí, còn 08 Tiêu chí chưa đạt (Tiêu chí số 8 – Thông tin và Truyền thông, Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư; Tiêu chí số 10 - Thu nhập; Tiêu chí số 11 - Hộ nghèo; Tiêu chí 13 - Hình thức tổ chức sản xuất; Tiêu chí số 15 - Y tế; Tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm; Tiêu chí số 18 - Hệ thống tổ chức chính trị và tiếp cận pháp luật).

- Về xã Nông thôn mới nâng cao: Đã hoàn thành xây dựng xã Mỹ Sơn đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao (*Đang hoàn thiện hồ sơ trình tỉnh công nhận*). Đồng thời, duy trì Xã Lương Sơn, Nhơn Sơn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt 100% chỉ tiêu đề ra.

- Về thôn Nông thôn mới và thôn Nông thôn mới kiểu mẫu: Có 11 thôn đủ điều kiện công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới, nâng tổng số thôn đạt chuẩn Nông thôn

mới lên 22/53 thôn; Đồng thời, trong năm 2023 sẽ công nhận 03 thôn đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu, nâng tổng số thôn đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu lên 04/53 thôn, cụ thể: 11 thôn đủ điều kiện công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 1- Thôn Lâm Quý, 2- Tân Bình (Xã Lâm Sơn); 3- Thôn Trà Giang 3, 4- Trà Giang 4 (Xã Lương Sơn); 5- Thôn Triệu Phong 1, 6- Thạch Hà 2 (Xã Quảng Sơn); 7- Thôn Phú Thạnh (Xã Mỹ Sơn); 8- Thôn Tân Hòa (Xã Hòa Sơn); 9- Thôn Ú (Xã Ma Nói); 10- Thôn Đắc Nhơn 1, Lương Cang 1 (Xã Nhơn Sơn); có 03 thôn đủ điều kiện công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: 1- Thôn Lâm Phú (Xã Lâm Sơn); 2- Thôn Đắc Nhơn 3 (Xã Nhơn Sơn); 3- Thôn Tân Lập 2 (Xã Lương Sơn).

1.2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Giao thông đường bộ của huyện Ninh Sơn tương đối thuận lợi cho việc đi lại và vận chuyển hàng hoá; đường ô tô đến được trung tâm cả 8 xã, thị trấn, bao gồm các tuyến sau:

- Quốc lộ: Có 2 tuyến Quốc lộ (*QL 27 và QL 27B*) qua địa bàn huyện với tổng chiều dài trong địa giới hành chính huyện là 57,9 km.

(1) Tuyến Quốc lộ 27 có chiều dài qua địa bàn huyện là 56 km, mặt đường được trải bê tông nhựa, có chiều rộng mặt đường từ 7- 9m, nền đường từ 9 - 12m, đoạn qua thị trấn Tân Sơn mới được nâng cấp thành đường hai làn có giải phân cách, mặt đường trải bê tông nhựa. Đoạn từ Lương Sơn đi Lâm Sơn qua đèo Sông Pha, Ngọn Mực được đầu tư nâng cấp từ năm 2010, hiện nay đường xuống cấp.

(2) Tuyến Quốc lộ 27B từ Tp. Cam Ranh-tỉnh Khánh Hoà đi qua huyện Bác Ái, đến Thị trấn Tân Sơn, có chiều dài qua huyện 1,9 km, mặt đường láng nhựa rộng 7,5 m nền đường 10 m.

- Đường tỉnh: có 4 tuyến với tổng chiều dài qua huyện là 76,2 km, nền đường rộng từ 8-10 m.

(1) Đường tỉnh 705 bắt đầu từ thôn Lương Cách đến thôn Đồng Mé dài 5 km, rộng từ 6-9 m, mặt đường trải nhựa, chất lượng khá.

(2) Đường tỉnh 707 bắt đầu từ ngã ba Quốc lộ 27B đi Lương Sơn sang Phước Bình-huyện Bác Ái, đoạn qua huyện dài 8,2 km rộng từ 7,5-10 m, đường được nâng cấp trải nhựa năm 2010 và 2011, chất lượng tốt, đi lại thuận tiện.

(3) Tỉnh lộ 708 bắt đầu từ Hoà Sơn đi Phước Sơn huyện Ninh Phước, đoạn qua địa bàn huyện dài 14 km, trong năm 2010 đã thi công rộng từ 8-10 m.

(4) Tỉnh lộ 709 bắt đầu từ Quốc lộ 27 đi Hoà Sơn, Ma Nói dài 49 km, trong năm 2010 và 2011 đường đã được nâng cấp mở rộng từ 8-10 m, mặt đường trải nhựa và bê tông tùy theo từng đoạn.

(5) Tuyến đường từ thị trấn Tân Sơn đi xã Ma Nói Ma Nói (Dự án thành phần 1 thuộc dự án đường từ TT Tân Sơn huyện Ninh Sơn tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng) hiện nay đã xây dựng xong, rút ngắn quãng đường từ trung tâm huyện đến xã Hòa Sơn và xã Ma Nói, đồng thời tạo điều kiện để khai thác quỹ đất dọc hai bên đường thuộc thị trấn Tân Sơn và các xã Quảng Sơn, Hòa Sơn rất thuận lợi.

- Đường huyện: có 7 tuyến đường huyện lười tổng chiều dài 57,3 km, mặt đường rộng từ 4-6 m, nền đường rộng từ 6-10 m. Hiện nay còn nhiều tuyến mặt đường xấu, vào mùa mưa ngập lụt đi lại khó khăn.

- Đường đô thị: Thị trấn Tân Sơn có trên 60 tuyến đường, nền đường trung bình 6-8 m.

Năm 2022 và năm 2023 đang tiến hành xây dựng các tuyến đường: Nâng cấp đường Hà Huy Tập giai đoạn 2; Đường giao thông trục N3; Đường giao thông trục D12; Công trình đường D3 thị trấn Tân Sơn.,,sẽ tạo điều kiện để khai thác quỹ đất ngày càng hiệu quả hơn

- Bến xe: Thị trấn có 1 bến xe khách quy mô 0,3 ha.

- Đường trục, liên thôn: Hiện nay các tuyến trục, đường liên thôn đã được quan tâm đầu tư (theo chương trình phát triển đô thị và chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới). Tuy nhiên, chất lượng một số tuyến đường vẫn còn thấp do vẫn là đường cấp phối và đường đất, mặt đường nhiều tuyến còn hẹp, mặt đường xấu, xuống cấp, hạn chế lớn đến khả năng lưu thông.

- Ngoài ra trên địa bàn huyện còn có tuyến đường sắt đi TP. Đà Lạt. Hiện nay không còn sử dụng (*đường ray đã được tháo dỡ*).

b) Thủy lợi

Trên địa bàn huyện hiện có 11 công trình thủy lợi, công suất thiết kế tưới cho 4.199 ha, thực tế hiện nay tưới 1.760 ha canh tác, cùng với các công trình nhỏ khác, hàng năm bảo đảm tưới cho 6.500 ha gieo trồng, bao gồm các công trình sau:

- Hệ thống thủy lợi 19/5 phục vụ tưới tiêu 300 ha cho Lâm Sơn, đập nằm ngay sau vị trí cửa xả nước của nhà máy thủy điện Đa Nhim.

- Hệ thống thủy lợi Krông Pha: Công trình được xây dựng từ năm 1976 và hoàn thành vào năm 1987. Công trình có 71 km kênh mương, gồm 2 kênh chính (*kênh chính Đông dài 12,3 km, diện tích tưới 1.520 ha, kênh chính Tây dài 13,1 km, diện tích tưới 1.700 ha*).

- Hồ Cho Mo: Công trình mới hoàn thành, thiết kế tưới cho khoảng 1.242 ha, hệ thống kênh mương đang được đầu tư hoàn chỉnh.

- Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ: Công trình hiện đang thi công, đã hoàn thành hệ thống đập dâng và kênh chính.

- Ngoài các công trình trên hệ thống thủy lợi hạ sông pha 1, Tân Mỹ, Nha Trinh-Lâm Cẩm, diện tích tưới khoảng 80 ha (khu vực Nha Hồ 1 và Nha Hồ 2), cùng với trạm bơm và các công trình thủy lợi nhỏ (đập dâng) diện tích tưới trên 300 ha.

- Theo kết quả khảo sát đánh giá của Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận, các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện còn hoạt động tốt bao gồm: Đập Suối Tre, đập Tà Nôi, đập Ú Tà Lâm 1 và 2, còn lại các công trình khác cần phải kiên cố hoá hệ thống kênh mương.

Hiện nay trên địa bàn huyện đang đầu tư xây dựng Hồ Sông Than, hệ thống kênh đường ống cấp II, và kênh cấp III thuộc hệ thống thủy lợi Sông Cái-

Tân Mỹ; Tiểu dự án Phát triển thủy lợi phục vụ nông nghiệp công nghệ cao Thành Sơn-Phước Nhơn (Tiểu dự án 1); Hệ Thống chuyển nước Tân Mỹ-Hồ Bà Râu- Hồ Sông Trâu (hệ thống kênh khu tưới đầu mối Sông Cái),...Sau khi hoàn thành sẽ bổ sung nguồn nước để khai thác quỹ đất nông nghiệp hiệu quả cao hơn, đời sống sản xuất của người dân ngày càng được nâng cao.

k) Chợ

Toàn huyện có 7/8 xã, thị trấn có chợ để phục vụ nhu cầu trao đổi hàng hoá nông sản của người dân với diện tích 4,92 ha, trong năm đã đầu tư hoàn thành chợ Nhơn Sơn đưa vào sử dụng. Đến nay có 7/8 xã đạt tiêu chí chợ nông thôn. Tổng diện tích đất chợ sử dụng 4,92 ha.

1.2.6. An ninh, quốc phòng

Công tác Quốc phòng - an ninh thường xuyên nhận được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời, sâu sát của cấp uỷ và chính quyền địa phương. Huy động được lực lượng của cộng đồng xã hội, các đoàn thể và nhân dân tham gia bảo vệ tổ quốc. Ngăn chặn có hiệu quả hoạt động của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn vững chắc.

Công tác giáo dục và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đội ngũ cán bộ chủ chốt từ huyện đến xã, thị trấn được đẩy mạnh; phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc ngày càng mở rộng và dần đi vào chiều sâu, ý thức cảnh giác cách mạng của cán bộ và nhân dân được nâng lên. Công tác đấu tranh chống âm mưu “Diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch được quan tâm thường xuyên chỉ đạo. An ninh chính trị được giữ vững, công tác đấu tranh chống tội phạm và các tai nạn, tệ nạn xã hội được tăng cường. Lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên được kiện toàn. Tuyển quân hàng năm đều đạt chỉ tiêu.

Trụ sở công an các xã cũng đang được xây dựng, tạo điều kiện cho lực lượng công an thực hiện tốt nhiệm vụ tại cơ sở.

1.2.7. Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2024

**** Các chỉ tiêu chủ yếu:***

- Kinh tế: Tốc độ tăng trưởng ổn định 14% và phấn đấu cao hơn, trong đó: Nông lâm nghiệp - thủy sản tăng 6%; công nghiệp - xây dựng tăng 18-19%; thương mại - dịch vụ tăng 12%. Phấn đấu thu ngân sách trên địa bàn huyện đạt 79,8 tỷ đồng (trong đó, thu sử dụng đất: 30 tỷ đồng). Thu nhập bình quân đầu người đạt 56 triệu đồng.

- Văn hóa - Xã hội: Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên ổn định 1%; Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn 13%; Giảm tỷ lệ hộ nghèo thấp nhất 0,5-1%; Giải quyết việc làm mới cho 2.000 lao động; đào tạo nghề cho 450 lao động nông thôn; Phấn đấu tăng 94% dân số tham gia BHYT.

- Dịch vụ công trực tuyến: Thực hiện 100% dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 2, mức độ 3.

- Môi trường: Duy trì tỷ lệ độ che phủ rừng 50,53%; Tỷ lệ hộ dân được cấp nước (qua xử lý tập trung) đạt 100%; Tỷ lệ thu gom rác thải trong dân đạt 74%;

100% các cơ sở kinh doanh cấp mới trong năm khi đi vào hoạt động phải có Phương án xử lý chất thải được thẩm định và phê duyệt.

- Quốc phòng- an ninh: Xây dựng 100% xã, thị trấn vững mạnh về Quốc phòng - An ninh. Giao quân đạt chỉ tiêu về số lượng và chất lượng; kéo giảm tội phạm từ 3-5%.

- Xây dựng Nông thôn mới: Phân đầu xây dựng 01 xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao; hoàn chỉnh quy hoạch vùng huyện và quy hoạch chung cấp xã.

- Xây dựng Đô thị Tân Sơn: Phân đầu đạt 92/100 điểm và 50/52 tiêu chuẩn; đồng thời hoàn tất các thủ tục hồ sơ trình thẩm định và công nhận thị trấn Tân Sơn đạt chuẩn đô thị loại 4.

*** Nhiệm vụ cụ thể về lĩnh vực kinh tế:**

- Sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản: Phân đầu tốc độ tăng trưởng tăng 6% so với năm 2023. Cụ thể tập trung một số nhiệm vụ sau:

+ Xây dựng đề án phát triển nông nghiệp huyện Ninh Sơn nhằm đưa kinh tế nông nghiệp phát triển đột phá, bền vững, có thương hiệu và hướng đến xuất khẩu; tăng giá trị sản xuất và sản lượng nông nghiệp đạt chất lượng cao; khai thác tiềm năng, lợi thế hiện có như: hệ thống kênh tưới Tân Mỹ, hồ Sông Than, Cao tốc Bắc - Nam, đường Tân Sơn - Tà Năng...

+ Tập trung kêu gọi đầu tư nhằm phát triển ngành nông nghiệp chế biến nông sản tại cụm công nghiệp Quảng Sơn gắn với đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng bền vững, xây dựng và phát triển thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp đặc thù của huyện gắn với chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP.

+ Nhân rộng mô hình sản xuất có hiệu quả; duy trì phát triển cánh đồng lớn; chuyển đổi cơ cấu cây trồng 550 ha theo hướng hiệu quả kinh tế cao, tiết kiệm nước. Phân đầu tổng diện tích gieo trồng đạt trên 25.100 ha (trong đó lúa 9.300 ha; cây ăn quả 2.900 ha); diện tích chủ động nước tưới đạt khoảng 82%. Tổng sản lượng lương thực đạt 87.540 tấn (trong đó lúa đạt 60.450 tấn); nâng cao giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đất canh tác (1ha) đạt 110 triệu đồng.

+ Phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung, an toàn, giá trị cao; tăng tỷ trọng các vật nuôi có lợi thế của huyện như: Dê, bò, cừu, heo. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

+ Đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới đảm bảo toàn diện, bền vững, thực chất; nâng cao thu nhập, sinh kế và chất lượng sống của người dân, lấy người dân làm chủ thể. Huy động các nguồn lực, tăng cường vận động Nhân dân, doanh nghiệp chung sức xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao; tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới. Phân đầu đẩy nhanh hoàn chỉnh các tiêu chí Nông thôn mới của xã Ma Nối để hoàn thành tiêu chí huyện Nông thôn mới vào năm 2025; đồng thời phân đầu xây dựng 01 xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

- Công nghiệp - xây dựng: Phân đầu tốc độ tăng 18 - 19% so với năm 2023; phát huy năng lực sản xuất của các cơ sở chế biến hiện có, tập trung phát

triển các lĩnh vực công nghiệp chủ lực như: Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, công nghiệp chế biến nông - lâm sản, Công nghiệp sản xuất và phân phối điện, nước. Phối hợp với các Sở, ngành liên quan; đồng thời tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thủ tục đầu tư nhằm kêu gọi nhà đầu tư vào Cụm công nghiệp Quảng Sơn. Đẩy nhanh tiến độ hoàn chỉnh quy hoạch chung thị trấn Tân Sơn, các quy hoạch trong nội thị của thị trấn nhằm tạo động lực phát triển đô thị và hoàn thành việc xây dựng thị trấn Tân Sơn đạt chuẩn đô thị loại 4 như: khu bờ kè Nam Sông Ông, khu trung tâm hành chính huyện, khu trung tâm văn hóa thể thao huyện, công viên 3/4 ... Quản lý chặt chẽ quy hoạch, trật tự xây dựng trên địa bàn huyện. Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các dự án để kích cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện; tăng cường công tác khuyến công và triển khai phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp; xây dựng thương hiệu các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp đặc thù của huyện.

- Thương mại - dịch vụ: Phấn đấu tốc độ tăng 12% so với năm 2023; tập trung phát triển các ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn có điều kiện tăng trưởng cao như thương mại, vận tải, tài chính- tín dụng, khai thác các loại hình dịch vụ mới như kêu gọi đầu tư xây dựng siêu thị Tân Sơn; đưa chợ Tân Sơn vào khai thác và hoạt động có hiệu quả; kêu gọi xã hội hóa đầu tư chợ Quảng Sơn; đẩy nhanh tiến độ phát triển du lịch trái cây Lâm Sơn; kêu gọi đầu tư du lịch cộng đồng tại Xã Ma Nởi. Phối hợp với các ngành chức năng tiếp tục triển khai các hoạt động đưa hàng Việt về nông thôn gắn với thực hiện cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*”; Xây dựng triển khai thực hiện kế hoạch công tác bình ổn giá cả các mặt hàng thiết yếu những tháng cuối năm.

- Quản lý tài nguyên, môi trường: Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 36-CT/HU của Ban Thường vụ huyện ủy về việc tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện; Chỉ thị số 15-CT/HU về tăng cường công tác quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản đến năm 2025 trên địa bàn huyện; Chương trình hành động số 110/CTrHĐ-UBND ngày 15/5/2020 của UBND huyện và Kế hoạch số 321/KH-UBND ngày 12/11/2021 của UBND huyện về tăng cường công tác quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản đến năm 2025 trên địa bàn huyện. Đẩy nhanh tiến độ rà soát bổ sung Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cũng như kế hoạch sử dụng đất năm 2024 theo chủ trương và phải gắn với Quy hoạch vùng tỉnh; đồng thời tổ chức công bố công khai đúng quy định nhằm tạo điều kiện cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Rà soát tất cả các loại đất chưa sử dụng, đất được đưa ra khỏi quy hoạch 03 loại rừng; đồng thời hoàn thiện hồ sơ đưa vào đất công ích để quản lý và khai thác có hiệu quả nhằm tránh lãng phí tài nguyên đất. Đẩy nhanh tiến độ kê khai đăng ký quản lý đến từng thửa đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng trong bảo vệ môi trường; quan tâm giải quyết các vấn đề bức xúc về vệ sinh môi trường nông thôn. Tập trung xử lý các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm nghiêm trọng; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường. Quản lý chặt chẽ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác; đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm

tra việc khai thác tài nguyên khoáng sản, nhất là khai thác cát, sỏi lòng sông, đá xây dựng, đất san lấp ...

- Tài chính - tín dụng: phần đầu thu ngân sách trên địa bàn huyện đạt 74,8 tỷ đồng theo chỉ tiêu tỉnh giao; đồng thời triển khai kế hoạch bán đấu giá và thu tiền sử dụng đất ngay từ đầu năm (đạt 25 tỷ đồng theo dự toán và phần đấu cao hơn) để tái đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Tăng cường thanh thu nợ đọng thuế, kiểm tra, kiểm soát nhằm chống thất thu thuế, trong đó tập trung kiểm tra, giám sát việc đăng ký thuế; chú trọng thanh tra, kiểm tra đột xuất theo yêu cầu quản lý thuế, tập trung vào các doanh nghiệp, hộ kinh doanh có quy mô kinh doanh lớn, các đơn vị có số thuế nợ đọng lớn và các đơn vị có sự biến động về thuế lớn. Rà soát các doanh nghiệp điện mặt trời trên địa bàn huyện; các khoản thu vãng lai của các doanh nghiệp xây dựng; kịp thời đưa những doanh nghiệp và hộ mới tham gia sản xuất, kinh doanh vào quản lý và thu thuế. Xây dựng kế hoạch chi ngân sách khoa học, hiệu quả nhằm đảm bảo các nhu cầu chi cho việc phát triển kinh tế - xã hội, công tác an sinh và nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trong năm 2024. Triển khai đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách Tài chính - Kế toán và các quy trình điều hành, quản lý, sử dụng, quyết toán các nguồn kinh phí được ngân sách nhà nước cấp. Tăng cường công tác kiểm tra việc lập, chấp hành và quyết toán ngân sách ở các đơn vị, địa phương hưởng từ ngân sách huyện và ngân sách xã. Tranh thủ tiếp nhận các nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách tỉnh để đáp ứng cho nhu cầu hoạt động thường xuyên và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Tiếp tục thực hiện đầy đủ các chính sách kích cầu hỗ trợ nền kinh tế thông qua chính sách tiền tệ của Chính phủ, tổ chức tốt việc huy động vốn trong dân để đầu tư phát triển.

- Đầu tư xây dựng: Trình phê duyệt đề án nâng cấp thị trấn Tân Sơn lên đô thị loại 4; kêu gọi xã hội hóa đầu tư nghĩa trang huyện; đầu tư xây dựng nhà thi đấu đa năng huyện Ninh Sơn; đầu tư cơ sở vật chất cho trung tâm y tế huyện; xây dựng khu bờ kè Nam Sông Ông; xây dựng nhà hỏa táng tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho công an các xã theo kế hoạch, lộ trình được phê duyệt. Tập trung khai thác tốt, có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư; triển khai phân bổ vốn đầu tư xây dựng ngay từ đầu năm theo đúng lộ trình trung hạn 2021-2025, trong đó ưu tiên để thanh toán dứt điểm các công trình đầu tư hoàn thành đã phê duyệt quyết toán và triển khai mới các công trình thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Chỉ đạo các chủ đầu tư nhanh chóng thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản quyết liệt ngay từ đầu năm; đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các dự án, nhất là các dự án chậm giải phóng mặt bằng và kéo dài nhiều năm. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng các công trình, dự án; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm để chấn chỉnh công tác xây dựng cơ bản thực hiện theo đúng quy định Nhà nước hiện hành.

1.3. Hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai

1.3.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2023

Số liệu thống kê đất đai hàng năm được tổng hợp từ bản đồ kiểm kê đất đai

đã được chỉnh lý đối với các trường hợp biến động đã thực hiện xong thủ tục hành chính về đất đai trong năm thống kê theo quy định.

Thống kê hiện trạng sử dụng đất năm 2023 huyện Ninh Sơn được tổng hợp từ bản đồ thống kê năm 2022 của các xã và được chỉnh lý đối với các trường hợp biến động đã thực hiện xong thủ tục hành chính về đất đai năm 2023, cụ thể đến tháng 10/2023 đã có các trường hợp biến động đã thực hiện xong thủ tục hành chính về đất đai như sau:

- Thực hiện thủ tục giao đất cho các dự án: trong năm 2023 trên địa bàn huyện đã thực hiện xong thủ tục giao đất cho 01 dự án đất an ninh diện tích 24665m² (Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 08/5/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận Về việc giao đất cho Công an tỉnh Ninh Thuận để xây dựng trụ sở làm việc Đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực Ninh Sơn - Bác Ái).

Căn cứ thống kê đất đai năm 2022 và các trường hợp biến động đã thực hiện xong thủ tục hành chính về đất đai năm 2023 cho thấy hiện trạng sử dụng đất huyện Ninh Sơn đến 31/12/2023 như sau:

Biểu 2: HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Tổng diện tích tự nhiên		77164,74	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	68694,11	89,02
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3946,78	5,11
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	3170,45	4,11
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	14339,49	18,58
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4701,78	6,09
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	33656,25	43,62
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	11511,45	14,92
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	10198,50	13,22
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	126,81	0,16
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	411,53	0,53
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6150,44	7,97
2.1	Đất quốc phòng	CQP	349,00	0,45
2.2	Đất an ninh	CAN	5,19	0,01

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	11,22	0,01
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	83,03	0,11
2.6	Đất hoạt động khoáng sản	SKS	38,98	0,05
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	192,04	0,25
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2530,08	3,28
	Đất giao thông	DGT	989,17	1,28
	Đất thủy lợi	DTL	687,61	0,89
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,72	0,00
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	5,07	0,01
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	54,14	0,07
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	22,95	0,03
	Đất công trình năng lượng	DNL	611,82	0,79
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,53	0,00
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	26,95	0,03
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ	NTD	120,28	0,16
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	4,92	0,01
	Đất chợ	DCH	4,92	0,01
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	5,51	0,01
1.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	1,38	0,00
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	934,56	1,21
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	141,04	0,18
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	8,88	0,01
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức	DTS	8,84	0,01

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	sự nghiệp			
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	4,22	0,01
2.16	Đất sông, ngòi, suối	SON	1824,36	2,36
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	12,10	0,02
3	Đất chưa sử dụng	CSD	2320,19	3,01

Nguồn: Thống kê đất đai năm 2022 – Phòng TN&MT huyện Ninh Sơn

a) Đất nông nghiệp

Tổng diện tích đất nông nghiệp toàn huyện năm 2023 có 68694,11 ha, chiếm 89,02% diện tích tự nhiên (DTTN). Phân bố tại thị trấn Tân Sơn 1244,02 ha, các xã: Lâm Sơn 13817,62 ha, Lương Sơn 3467,66 ha, Quảng Sơn 6916,07 ha, Mỹ Sơn 10380,44 ha, Hòa Sơn 5441,66 ha, Ma Nới 25164,22 ha, Nhơn Sơn 2262,43 ha.

Trong đó:

- Đất trồng lúa 3946,78 ha, chiếm 5,11% tổng DTTN; phân bố tập trung tại các xã Lương Sơn, Nhơn Sơn, Lâm Sơn, Mỹ Sơn và TT Tân Sơn (trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước 3170,45 ha, chiếm 4,11 % tổng DTTN).

- Đất trồng cây hàng năm khác 14339,49 ha, chiếm 18,58% tổng DTTN, phân bố trên địa bàn 8 xã, thị trấn; tập trung nhiều nhất tại xã Mỹ Sơn và xã Quảng Sơn.

- Đất trồng cây lâu năm 4701,78 ha, chiếm 6,09% tổng DTTN, phân bố trên địa bàn 8 xã, thị trấn; tập trung nhiều nhất tại các xã: Lâm Sơn, Mỹ Sơn, Quảng Sơn.

- Đất rừng phòng hộ có 33656,25 ha, chiếm 43,62 % tổng DTTN, phân bố tập trung tại các xã: Lâm Sơn, Quảng Sơn, Mỹ Sơn, Hòa Sơn, Ma Nới.

- Đất rừng sản xuất có 11511,45 ha, chiếm 14,92% tổng DTTN, phân bố tập trung tại các xã: Ma Nới, Hòa Sơn, Quảng Sơn, Mỹ Sơn. Trong đó đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên có 10198,5 ha, chiếm 13,22% tổng DTTN, phân bố tập trung tại các xã: Ma Nới, Hòa Sơn, Quảng Sơn, Mỹ Sơn.

- Đất nuôi trồng thủy sản 126,81 ha, chiếm 0,16% tổng DTTN, phân bố tập trung tại nhiều nhất tại xã Lương Sơn.

- Đất nông nghiệp khác 411,53 ha, chiếm 0,53% tổng DTTN, phân bố tập trung ở các xã Lâm Sơn, Lương Sơn, Quảng Sơn, Mỹ Sơn.

b) Đất phi nông nghiệp

Tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện năm 2023 có 6150,44 ha, chiếm 7,97% tổng DTTN. Phân bố tại thị trấn Tân Sơn 511,8 ha và các xã Lâm

Son 642,74 ha, Lương Sơn 563,04 ha, Quảng Sơn 808 ha, Mỹ Sơn 1959,64 ha, Hòa Sơn 739,7 ha, Ma Nới 305,63 ha, Nhơn Sơn 618,89 ha.

Trong đó:

- Đất quốc phòng có 349 ha, chiếm 0,45% tổng DTTN, phân bố tập trung tại các xã Mỹ Sơn, Nhơn Sơn Hòa Sơn.

- Đất an ninh có 5,19 ha, chiếm 0,01% tổng DTTN, phân bố tập trung tại TT Tân Sơn và xã Lâm Sơn.

- Đất thương mại, dịch vụ có 11,22 ha, chiếm 0,01% tổng DTTN, phân bố tập trung tại thị trấn Tân Sơn và phân tán tại các xã: Lâm Sơn, Lương Sơn, Quảng Sơn, Mỹ Sơn, Nhơn Sơn, Hòa Sơn.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có 83,03 ha, chiếm 0,11 % tổng DTTN, phân bố tập trung tại các xã: Quảng Sơn, Mỹ Sơn và phân tán tại các xã: Lâm Sơn, Lương Sơn, Mỹ Sơn, Nhơn Sơn và TT Tân Sơn.

- Đất khai thác khoáng sản 38,98 ha, chiếm 0,05% tổng DTTN, phân bố tại các xã Quảng Sơn, Mỹ Sơn.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng 192,04 ha, chiếm 0,25% tổng DTTN, phân bố nhiều tại các xã Nhơn Sơn, Hòa Sơn, Mỹ Sơn, Lâm Sơn.

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã có 2530,08 ha, chiếm 3,28% tổng DTTN, phân bố trên địa bàn 8 xã, thị trấn

Trong đó:

+ Đất giao thông 989,17 ha, chiếm 1,28% tổng DTTN, phân bố tại địa bàn 8 xã, thị trấn.

+ Đất thủy lợi 687,61 ha, chiếm 0,89% tổng DTTN, phân bố tại địa bàn 8 xã, thị trấn.

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa 1,72 ha, chiếm 0,002% tổng DTTN, phân bố trên địa bàn 7 xã, thị trấn (riêng xã Lương Sơn chưa có đất xây dựng cơ sở văn hóa).

+ Đất xây dựng cơ sở y tế 5,07 ha, chiếm 0,01% tổng DTTN, phân bố trên địa bàn 8 xã, thị trấn.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục 54,14 ha, chiếm 0,07% tổng DTTN, phân bố trên địa bàn 8 xã, thị trấn.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 22,95 ha, chiếm 0,03% tổng DTTN, phân bố trên địa bàn 7 xã, thị trấn (riêng xã Ma Nới chưa có đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao).

+ Đất công trình năng lượng 611,82 ha, chiếm 0,79% tổng DTTN, phân bố trên địa bàn các xã, thị trấn.

+ Đất công trình bưu chính viễn thông 0,53 ha, chiếm 0,001% tổng DTTN, phân bố trên địa bàn 8 xã, thị trấn.

+ Đất cơ sở tôn giáo 26,95 ha, chiếm 0,03% tổng DTTN, phân bố trên địa bàn 7 xã, thị trấn (riêng địa bàn xã Ma Nới không có đất cơ sở tôn giáo)

+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa 120,28 ha, chiếm 0,16% tổng DTTN,

phân bố trên địa bàn 8 xã, thị trấn.

+ Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội 4,92 ha, chiếm 0,01% tổng DTTN, phân bố tại xã Lâm Sơn và xã Quảng Sơn.

+ Đất chợ 4,92 ha, chiếm 0,01% tổng DTTN, phân bố trên địa bàn 7 xã, thị trấn (riêng địa bàn xã Ma Nới chưa có đất chợ).

- Đất sinh hoạt cộng đồng có 5,51 ha, chiếm 0,01% tổng DTTN, phân bố trên địa bàn 8 xã, thị trấn.

- Đất khu vui chơi giải trí công cộng có 1,38 ha, chiếm 0,002% tổng DTTN, phân bố trên địa bàn thị trấn Tân Sơn.

- Đất ở nông thôn có 934,56 ha, chiếm 1,21% tổng DTTN, phân bố trên địa bàn 7 xã.

- Đất ở đô thị có 141,04 ha, chiếm 0,18% tổng DTTN, phân bố tại thị trấn Tân Sơn.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan có 8,88 ha, chiếm 0,01% tổng DTTN, phân bố trên địa bàn 8 xã, thị trấn. Tập trung nhiều nhất tại thị trấn Tân Sơn.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp có 8,84 ha, chiếm 0,01% tổng DTTN, phân bố trên địa bàn thị trấn Tân Sơn và các xã: Lâm Sơn, Mỹ Sơn, Hòa Sơn, Ma Nới, Nhơn Sơn.

- Đất cơ sở tín ngưỡng có 4,22 ha, chiếm 0,01% tổng DTTN, phân bố trên địa bàn các xã: Lâm Sơn, Mỹ Sơn, Nhơn Sơn, Ma Nới.

- Đất sông, ngòi, suối có 1824,36 ha, chiếm 2,36% tổng DTTN, phân bố trên địa bàn 8 xã, thị trấn.

- Đất có mặt nước chuyên dùng có 12,1 ha, chiếm 0,02% tổng DTTN, phân bố tại các xã Lương Sơn, Quảng Sơn, Mỹ Sơn, Hòa Sơn, Nhơn Sơn..

c) Đất chưa sử dụng

Đến 31/12/2022 toàn huyện còn 2320,19 ha đất chưa sử dụng, chiếm 3,01% tổng DTTN. Phân bố tại thị trấn Tân Sơn 49,32 ha và các xã Lâm Sơn 429,55 ha, Lương Sơn 228 ha, Quảng Sơn 403,18 ha, Mỹ Sơn 516,32 ha, Hòa Sơn 399,22 ha, Ma Nới 10,43 ha, Nhơn Sơn 284,18 ha.

1.3.2. Biến động đất đai

So sánh diện tích hiện trạng sử dụng đất năm 2023 với thống kê đất đai năm 2022 cho thấy biến động đất đai từ năm 2022 đến năm 2023 của huyện Ninh Sơn như sau:

Biểu 3: BIẾN ĐỘNG DIỆN TÍCH CÁC LOẠI ĐẤT TỪ NĂM 2022-2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2022 (ha)	Diện tích năm 2023 (ha)	Biến động tăng (+); Giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
I	Tổng diện tích tự nhiên		77164,74	77164,74	
1	Đất nông nghiệp	NNP	68687,02	68694,11	7,09

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2022 (ha)	Diện tích năm 2023 (ha)	Biến động tăng (+); Giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3947,17	3946,78	-0,39
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	3170,84	3170,45	-0,39
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	14348,19	14339,49	-8,70
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4702,73	4701,78	-0,94
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	33656,25	33656,25	
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	11511,45	11511,45	
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	10198,50	10198,50	
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	126,85	126,81	-0,04
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	394,38	411,53	17,15
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6157,53	6150,44	-7,09
2.1	Đất quốc phòng	CQP	381,02	349,00	-32,02
2.2	Đất an ninh	CAN	2,73	5,19	2,47
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	11,22	11,22	
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	83,03	83,03	
2.6	Đất hoạt động khoáng sản	SKS	38,98	38,98	
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	174,61	192,04	17,43
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2529,09	2530,08	0,99
	Đất giao thông	DGT	989,07	989,17	0,10
	Đất thủy lợi	DTL	687,61	687,61	
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,72	1,72	
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	5,07	5,07	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2022 (ha)	Diện tích năm 2023 (ha)	Biến động tăng (+); Giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	54,14	54,14	
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	22,95	22,95	
	Đất công trình năng lượng	DNL	610,93	611,82	0,89
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,53	0,53	
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	26,95	26,95	
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ	NTD	120,28	120,28	
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	4,92	4,92	
	Đất chợ	DCH	4,92	4,92	
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	5,48	5,51	0,03
1.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	1,38	1,38	
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	931,49	934,56	3,08
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	140,09	141,04	0,95
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	8,88	8,88	
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	8,84	8,84	
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	4,22	4,22	
2.16	Đất sông, ngòi, suối	SON	1824,36	1824,36	
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	12,10	12,10	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	2320,19	2320,19	

a) Biến động diện tích đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp hiện trạng năm 2023: 68694,11 so với năm 2022 tăng 7,09, trong đó diện tích tăng 32,02 ha (do chuyển đất thao trường huấn luyện Núi Đỏ sang đất trồng cây hàng năm khác), diện tích giảm 24,94 ha (do

chuyển sang đất phi nông nghiệp). Trong nhóm đất nông nghiệp có 03 loại đất không biến động so với năm 2022, gồm: 1- Đất rừng phòng hộ, 2- Đất rừng sản xuất, 3- Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên); có 06 loại đất có biến động diện tích so với năm 2022, cụ thể sau:

(1) Đất trồng lúa (LUA): Diện tích hiện trạng năm 2023: 3946,78 ha, so với năm 2022 giảm 0,39 ha, do chuyển sang đất phi nông nghiệp.

(2) Đất chuyên trồng lúa nước (LUC): Diện tích hiện trạng năm 2023: 3170,45 ha, so với năm 2022 giảm 0,39 ha, do chuyển sang đất phi nông nghiệp.

(3) Đất trồng cây hàng năm khác (HNK): Diện tích hiện trạng năm 2023: 14339,49 ha, so với năm 2022 giảm 8,7 ha, trong đó diện tích giảm 40,72 ha (*do chuyển sang đất phi nông nghiệp 23,57 ha, chuyển sang đất nông nghiệp khác 17,15 ha*); diện tích tăng 32,02 ha (*do chuyển từ đất quốc phòng, thao trường huấn luyện Núi Đỏ 32,02 ha*).

(4) Đất trồng cây lâu năm (CLN): Diện tích hiện trạng năm 2023: 44701,78 ha, so với năm 2022 giảm 0,93 ha, do chuyển sang đất phi nông nghiệp.

(5) Đất nuôi trồng thủy sản (NTS): Diện tích hiện trạng năm 2023: 126,81 ha, so với năm 2022 giảm 0,04 ha, do chuyển sang đất phi nông nghiệp.

(6) Đất nông nghiệp khác (NKH): Diện tích hiện trạng năm 2023: 411,53 ha, so với năm 2022 tăng 17,15 ha, do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 17,15ha.

b) Biến động diện tích đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp hiện trạng năm 2023: 6133,02 ha, so với năm 2022 giảm 7,09 ha, trong đó diện tích giảm 32,02 ha (*do giảm đất quốc phòng, thao trường huấn luyện Núi Đỏ 32,02 ha*), diện tích tăng 24,94 ha (*do chuyển từ đất nông nghiệp*). Trong nhóm đất phi nông nghiệp có 19 loại đất không biến động so với năm 2022, gồm: 1- Đất thương mại dịch vụ, 2- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, 3- đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản, 4- Đất thủy lợi, 5- Đất xây dựng cơ sở văn hóa, 6- Đất xây dựng cơ sở y tế, 7- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo, 8- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao, 9- Đất công trình bưu chính viễn thông, 10- Đất cơ sở tôn giáo, 11- Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, 12- Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội, 13- Đất chợ, 14- Đất khu vui chơi giải trí công cộng, 15- Đất xây dựng trụ sở cơ quan, 16- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp, 17- Đất cơ sở tín ngưỡng, 18- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối, 19- Đất có mặt nước chuyên dùng; có 09 loại đất biến động diện tích so với năm 2022, cụ thể sau: 1- Đất quốc phòng, hiện trạng năm 2023 có 349 ha, so với năm 2022 giảm 32,02 ha; 2- Đất an ninh, hiện trạng năm 2023 có 5,19 ha, so với năm 2022 tăng 1,47 ha (tăng diện tích đất xây dựng trụ sở làm việc của Đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy Ninh Sơn - Bác Ái); 3- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, hiện trạng năm 2023 có 192,04 ha, so với năm 2022 tăng 17,43 ha (Công ty Cổ phần NCS Núi Ngõng thuê đất Khai thác mỏ đá xây dựng Núi Ngõng 8,28 ha; Công ty TNHH Huy An thuê đất khai thác đất làm vật liệu san lấp tại Núi Ngõng, xã Nhơn Sơn 9,15 ha); 4- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, hiện trạng năm 2023 có 2530,08 ha, so với năm 2022 tăng 0,99 ha;

5- Đất giao thông, hiện trạng năm 2023 có 989,17 ha, so với năm 2021 tăng 0,1 ha (Nâng cấp mở rộng đường giao thông Lâm Bình GD 2); 6- Đất công trình năng lượng, hiện trạng năm 2023 có 611,82 ha, so với năm 2022 tăng 0,89 ha (Bãi thải phục vụ dự án Thủy điện Mỹ Sơn, cập nhật theo bản vẽ cho thuê đất); 7- Đất sinh hoạt cộng đồng, hiện trạng năm 2023 có 5,51 ha, so với năm 2022 tăng 0,03 ha (Trụ sở Khu phố 4, TT Tân Sơn); 8- Đất ở nông thôn, hiện trạng năm 2023 có 934,56 ha, so với năm 2022 tăng 3,08 ha (các hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất ở nông thôn); 9- Đất ở đô thị, hiện trạng năm 2023 có 141,04 ha, so với hiện trạng năm 2022 tăng 0,95 ha (các hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất ở nông thôn).

c) Biến động diện tích đất chưa sử dụng

Diện tích đất chưa sử dụng hiện trạng năm 2023: 2320,19 ha, so với năm 2022 không có biến động.

1.3.3. Công tác quản lý kế hoạch sử dụng đất

Thực hiện Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 11/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ninh Sơn, Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn đã thực hiện công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đúng theo qui định tại điều 48 Luật Đất đai năm 2013 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1, Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch quy định: “*Việc công bố, công khai được thực hiện chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt*”. Cụ thể như sau: Ngày 19/6/2023, UBND huyện đã ban hành Văn bản số 1805/UBND-TH về việc công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Trên cơ sở đó, đã thực hiện gồm: Đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện về Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ninh Sơn; Phòng Tài nguyên và Môi trường đã công khai hồ sơ tại trụ Sở UBND huyện; Văn phòng đăng ký đất đai – CN Ninh Sơn công khai hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện; UBND các xã, thị trấn công khai hồ sơ tại trụ sở UBND các xã, thị trấn. UBND huyện Ninh Sơn chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chủ động công khai sâu rộng đến Nhân dân với nhiều hình thức khác nhau (thông báo trên hệ thống phát thanh xã, họp tổ dân phố), tuyên truyền, vận động Nhân dân sử dụng đất theo Kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo mọi người dân đều biết đến Kế hoạch sử dụng đất. Đặc biệt, thông báo đến các hộ dân đã đăng ký xin giao đất, thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện các thủ tục theo quy định; Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh Ninh Sơn, Phòng Tài nguyên và Môi trường, ủy ban nhân dân các xã, thị trấn hướng dẫn người dân và thực hiện các thủ tục liên quan đến quyền sử dụng đất theo đúng Kế hoạch sử dụng đất được duyệt. Hồ sơ công khai bao gồm: Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 11/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ninh Sơn, kèm phụ lục (*File PDF*); Báo cáo thuyết minh tóm tắt, kèm phụ lục (*File PDF*); Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ninh Sơn (*File PDF*). Để kiểm tra và giám sát việc công khai,

ngày 20/7/2023, Phòng Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 304/TNMT-TH, ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị báo cáo kết quả công khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023. Trên cơ sở báo cáo của UBND các xã, thị trấn, tất cả các xã, thị trấn đều chú trọng và nghiêm túc thực hiện việc công khai và tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện theo Kế hoạch sử dụng đất.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường đã hướng dẫn UBND các xã, thị trấn; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết về quy trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất hàng năm theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

- Các địa phương đã thực hiện nghiêm túc thực hiện kế hoạch sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt; việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất tuân thủ đúng theo kế hoạch sử dụng đất.

- Việc quản lý, sử dụng đất trên địa bàn huyện sau khi KHSD đất được phê duyệt đến nay thực hiện tốt; không phát sinh trường hợp sử dụng đất sai quy hoạch được duyệt.

- Công tác đăng ký: Trong 9 tháng đầu năm 2023 thực hiện kê khai, đăng ký 1.273 thửa/ 337,87 ha; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 763 GCN/1.623 thửa/352,78 ha, trong đó: đất ở 219 GCN/230 thửa/13,80 ha; đất nông nghiệp 544 GCN/1393 thửa/338,98 ha.

1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường

a) Thuận lợi

- Với vị trí là cửa ngõ phía Tây của tỉnh; có hệ thống giao thông kết nối thuận lợi với các quốc lộ 27, 27B nối quốc lộ 1 nối vùng Duyên hải Nam Trung Bộ với Tây Nguyên và các tuyến tỉnh lộ 705,707; 708; 709... tạo điều kiện cho huyện trong việc mở rộng các hoạt động giao thương với các địa phương trong tỉnh; vùng Tây Nguyên và cả nước.

- Điều kiện đất đai thích hợp phát triển các cây công nghiệp ngắn ngày như mía, mỳ,...các loại cây ăn quả như nho, táo... đặc biệt là đặc trưng khí hậu khu vực tiếp giáp Lâm Đồng (*Lâm Sơn, Ma Nối*) là điều kiện để phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai, phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đặc điểm về địa hình, thủy văn (*nhiều sông suối*), thời tiết (*nhiều nắng, nền nhiệt độ cao và không có mùa đông lạnh*) là tiềm năng lớn cho việc phát triển điện mặt trời), thủy điện, thủy lợi (*cung cấp nước cho nông nghiệp và công nghiệp*); Cùng với một số cảnh quan thiên nhiên đặc thù (*như rừng nguyên sinh đèo Ngoạn Mục, thác SaKai, Thác Tiên, suối khoáng nóng, Sông Ông...*) thuận lợi để phát triển du lịch; Đây là những yếu tố sẽ tạo ra những nguồn lực mới cho Ninh Sơn trong phát triển kinh tế - xã hội và có tác động lớn đến việc sử dụng đất trên địa bàn.

- Trong những năm qua tình hình kinh tế - xã hội, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm sau đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra; Các chương trình phát triển

kinh tế - xã hội (*nông thôn mới, giảm nghèo bền vững...*) đã đạt được một số thành công nhất định tạo tiền đề cho phát triển trong giai đoạn tới.

- Nhiệm vụ quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong điều kiện đặc thù của huyện đa dạng về văn hoá, tôn giáo được thực hiện tốt, bảo đảm môi trường ổn định để phát triển kinh tế - xã hội.

b) Khó khăn, hạn chế

- Địa hình của huyện chiếm trên 70% là đồi núi, mức độ chia cắt địa hình lớn gây khó khăn cho bố trí dân cư, xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội, cũng như việc bố trí sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu.

- Khí hậu thời tiết bên cạnh những thuận lợi (*nắng nhiều là tiềm năng về năng lượng mặt trời, tăng năng suất trong điều kiện có tưới, phơi sấy nông sản...*) thì điều kiện khắc nghiệt phân hóa theo mùa (*khí hậu khô nóng kéo dài, lượng mưa thấp, lượng bốc hơi cao,...*) nên khả năng cung cấp nước cho sinh hoạt, tưới cho nông nghiệp rất khó khăn phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng đất.

- Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp dịch vụ giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp nhưng chuyển dịch chưa vững chắc. Nông nghiệp phát triển theo hướng công nghệ cao bước đầu đã có sự quan tâm đầu tư nhưng vẫn còn chậm chưa thúc đẩy được tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Việc phát triển ngành nghề, giải quyết việc làm còn nhiều khó khăn, quy mô đào tạo nghề nhỏ bé, chưa đáp ứng được nhu cầu học nghề của xã hội, chất lượng đào tạo nghề cho người lao động nhìn chung thấp.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023

2.1.1. Kết quả thực hiện danh mục các công trình, dự án:

a) Kết quả thực hiện danh mục các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh năm 2023

- Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh: Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ninh Sơn có 4 công trình/2,76 ha, kết quả đã triển khai thực hiện 4 công trình/2,76 ha, đạt tỷ lệ 100%. Trong đó: Thực hiện xong 01 công trình/1,47 ha: Xây dựng trụ sở làm việc của Đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy Ninh Sơn - Bác Ái. Đang thực hiện 03 công trình/1,29 ha, cần phải chuyển tiếp thực hiện năm 2024, trong đó: Trụ sở công an xã Hòa Sơn đã thi công xong, đang thực hiện thủ tục thu hồi đất, giao đất, diện tích 0,10 ha; Trụ sở công an xã Ma Nối đã ban hành thông báo thu hồi đất, diện tích 0,10 ha; Trụ sở công an xã Lương Sơn đang triển khai thực hiện thu hồi đất, diện tích 0,057 ha.

- Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: Kế hoạch năm 2023 huyện Ninh Sơn có 01 dự án/0,234 ha: Thu hồi bổ sung dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020, đoạn qua huyện Ninh Sơn 0,234 ha. Kết quả đã triển khai thực hiện, đã ban

hành thông báo thu hồi đất với diện tích theo kiểm kê thực tế là 0,127 ha, thấp hơn kế hoạch được duyệt 0,107 ha, chuyển tiếp năm 2024 thực hiện 0,127 ha.

b) Kết quả thực hiện danh mục dự án chuyển mục đích đất trồng lúa

Kết quả rà soát, tổng hợp tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2023, huyện Ninh Sơn có 07 dự án/15,11 ha chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa. cụ thể sau:

Biểu 4: KẾT QUẢ THỰC HIỆN DANH MỤC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA

TT	Tên dự án	Diện tích đất thực hiện dự án	Diện tích chuyển mục đích năm 2023			
			Tổng	Chia ra		
				1 vụ	2 vụ	3 vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng số 7 dự án/ 15,11 ha đất trồng lúa	30,96	15,11		15,11	
I	Đã triển khai thực hiện 7 dự án/ 15,11 ha	30,96	15,11		15,11	
1	Cải tạo tiết diện ĐD 110 kv Đa Nhim - trạm 220 kv Tháp Chàm	1,15	0,23		0,23	
2	Cải tạo nâng khả năng tải ĐD 110 kv Đa Nhim-Hạ Sông Pha-Ninh Sơn-Tháp Chàm	0,80	0,25		0,25	
3	Đường điện 22 kv đấu nối nhà máy thủy điện Tân Mỹ	0,35	0,10		0,10	
4	Tiểu dự án Phát triển thủy lợi phục vụ nông nghiệp công nghệ cao Thành Sơn-Phước Nhơn (Tiểu dự án 1)	22,46	8,95		8,95	
5	Đường dây 22 kv đấu nối nhà máy thủy điện Thượng Sông Ông 1	0,10	0,06		0,06	
6	Nâng cấp tuyến đường Hà Huy Tập	1,30	0,72		0,72	

TT	Tên dự án	Diện tích đất thực hiện dự án	Diện tích chuyển mục đích năm 2023			
			Tổng	Chia ra		
				1 vụ	2 vụ	3 vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7	Chuyển mục đích đất lúa sang đất ở	4,80	4,80		4,80	

Đánh giá kết quả thực hiện:

Kết quả đã triển khai thực hiện: 07 dự án/15,11 ha đất trồng lúa, đạt tỷ lệ 100%, trong đó: đã thực hiện xong 0,39 ha/4,8 ha (hộ gia đình cá nhân đăng ký chuyển mục đích đất ở nông thôn), đang thực hiện 6 dự án/10,31 ha.

c) Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất:

Kết quả rà soát, tổng hợp tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Phê duyệt danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và các Nghị quyết Điều chỉnh, bổ sung, loại bỏ khỏi Danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (*Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 14/2/2023 và Nghị quyết số 28 NQ-HĐND ngày 25/7/2023*), địa bàn huyện Ninh Sơn có 29 dự án/ 796,07 ha, kết quả thực hiện như sau:

Biểu 5: KẾT QUẢ THỰC HIỆN DANH MỤC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2023

TT	Tên dự án	Diện tích thu hồi đất năm 2023				Nguồn vốn đầu tư
		Tổng	Chia ra			
			Đất chuyển mục đích		Đất khác	
(1)	(2)	(3)	Đất lúa	Đất rừng		(6)
	Tổng số có 29 dự án/ 796,07 ha	796,07	39,76	651,46	104,85	
I	Đã triển khai thực hiện 23 dự án/ 721,07 ha	721,07	13,69	651,46	55,91	
	Trong đó:					

TT	Tên dự án	Diện tích thu hồi đất năm 2023				Nguồn vốn đầu tư
		Tổng	Chia ra		Đất khác	
			Đất chuyển mục đích	Đất rừng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
a	Dự án cấp tỉnh làm chủ đầu tư 17 dự án/ 719,18 ha	719,18	13,69	651,46	54,02	
1	Đường dây 110kV đấu nối nhà máy điện mặt trời Mỹ Sơn	0,31		0,14	0,17	Vốn ngoài ngân sách
2	Đường dây 500kV Nhiệt điện Vân Phong - Nhiệt điện Vĩnh Tân	0,61		0,61		Vốn ngoài ngân sách
3	Cải tạo tiết điện ĐD 110 kv Đa Nhim - trạm 220 kv Tháp Chàm	0,85	0,23		0,62	Vốn ngoài ngân sách
4	Cải tạo nâng khả năng tải ĐD 110 kv Đa Nhim-Hạ Sông Pha-Ninh Sơn-Tháp Chàm	0,60	0,25		0,35	Vốn ngoài ngân sách
5	Tuyến đường dây 22kV cấp điện thi công - Dự án Nhà máy thủy điện tích năng Bác Ái (BAP)	0,13	0,10	0,02	0,01	Vốn ngoài ngân sách
6	Đường điện 22 kv đấu nối nhà máy thủy điện Tân Mỹ	0,15	0,10		0,05	Vốn ngoài ngân sách
7	Đường dây 220kv đấu nối cấp điện thi công nhà máy điện mặt trời Mỹ Sơn	0,17			0,17	Vốn ngoài ngân sách
8	Cột thu lôi chống sét	0,50			0,50	Ngân sách nhà nước

TT	Tên dự án	Diện tích thu hồi đất năm 2023				Nguồn vốn đầu tư
		Tổng	Chia ra		Đất khác	
			Đất chuyển mục đích	Đất rừng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
9	Tiểu dự án Phát triển thủy lợi phục vụ nông nghiệp công nghệ cao Thành Sơn-Phước Nhơn (Tiểu dự án 1)	22,46	8,95		13,50	Vốn vay ADB và vốn đối ứng ngân sách Nhà nước
10	Đường dây 22 kv đấu nối nhà máy thủy điện Thượng Sông Ông 1	0,10	0,06		0,04	Vốn ngoài ngân sách
11	Đường từ thị trấn Tân Sơn đến xã Ma Nối, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận thuộc dự án Đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (Dự án thành phần 1)	7,42		3,52	3,90	Ngân sách Nhà nước
12	Đường từ xã Ma Nối, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng thuộc dự án Đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (Dự án thành phần 2)	47,52		42,15	5,37	Ngân sách Nhà nước
13	Đầu tư hoàn chỉnh kênh đường ống cấp II và	21,00	4,00		17,00	Ngân sách nhà nước

TT	Tên dự án	Diện tích thu hồi đất năm 2023				Nguồn vốn đầu tư
		Tổng	Chia ra		Đất khác	
			Đất chuyển mục đích	Đất rừng		
(1)	(2)	(3)	Đất lúa	(5)	(6)	(7)
	Kênh cấp III thuộc hệ thống thủy lợi Sông Cái-Tân Mỹ					
14	Tuyến đường dây 110kV đấu nối nhà máy điện mặt trời Mỹ Sơn (Đoạn tuyến từ VT4-DD đến ĐC)	0,14			0,14	Vốn ngoài ngân sách
15	Hồ chứa nước Sông than	605,02		605,02		Ngân sách nhà nước
16	Cụm công nghiệp Quảng Sơn	12,18			12,18	Ngân sách nhà nước
17	Cột thu lôi chống sét	0,01			0,01	Ngân sách nhà nước
b	Dự án cấp huyện làm chủ đầu tư 06 dự án/ 1,8 ha	1,89			1,89	
1	Nâng cấp mở rộng đường giao thông Lâm Bình (GD 2)	0,10			0,10	Ngân sách nhà nước
2	Xây dựng trụ sở khu phố 2	0,03			0,03	Ngân sách nhà nước
3	Trường mẫu giáo Hoa Đào	0,10			0,10	Vốn ngoài ngân sách
4	Tuyến đường nối dài từ Thạch Hà- Triệu Phong và N6 đi Quốc lộ 27	0,30			0,30	Ngân sách nhà nước
5	Nâng cấp tuyến đường Hà Huy Tập	0,06			0,06	Ngân sách nhà nước

TT	Tên dự án	Diện tích thu hồi đất năm 2023				Nguồn vốn đầu tư
		Tổng	Chia ra		Đất khác	
			Đất chuyển mục đích	Đất rừng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6	Quy hoạch khu giãn dân thôn Mỹ Hiệp	1,30			1,30	Ngân sách nhà nước
II	Chưa thực hiện 05 dự án/ 74,01 ha	74,01	26,07		47,94	
	Trong đó:					
a	Dự án cấp tỉnh làm chủ đầu tư 02 dự án/ 13 ha	13,00	2,00		11,00	
1	Hệ Thống chuyển nước Tân Mỹ-Hồ Bà Râu- Hồ Sông Trâu (hệ thống kênh khu tưới đầu mối Sông Cái)	12,80	2,00		10,80	Ngân sách nhà nước
2	Mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 27, đoạn qua xã Lâm Sơn	0,20			0,20	Ngân sách nhà nước
b	Dự án kêu gọi đầu tư 03 dự án/ 61,01 ha	61,01	24,07		36,94	
1	Nhà máy Thủy điện Thượng Sông Ông 2	23,30			23,30	Vốn ngoài ngân sách
2	Khu đô thị Bắc Sông Ông	19,39	11,76		7,63	Vốn ngoài ngân sách
3	Khu đô thị mới Đông Nam thị trấn Tân Sơn	18,32	12,31		6,01	Vốn ngoài ngân sách
III	Hủy bỏ 01 dự án/ 1 ha	1,00			1,00	
1	Cải tạo đường dây 220kV Đa Nhim - Đức Trọng - Di Linh	1,00			1,00	Vốn ngoài ngân sách

Đánh giá kết quả thực hiện:

- Đã triển khai thực hiện 23 dự án/721,07 ha, đạt 79% tổng số dự án và

chiếm 91% tổng diện tích đất phải thu hồi, trong đó:

+ Phân theo cấp chủ đầu tư dự án: cấp tỉnh làm chủ đầu tư 17 dự án/719,18 ha chiếm 59% tổng số dự án và 90% tổng diện tích đất phải thu hồi; cấp huyện làm chủ đầu tư 05 dự án/ 74,01 ha chiếm 20 % tổng số dự án và 1% tổng diện tích đất phải thu hồi.

+ Phân theo nguồn vốn đầu tư: dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước: 13 dự án/717,9 ha chiếm 45% tổng số dự án và 90% tổng diện tích đất phải thu hồi; dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước 10 dự án/3,16 ha chiếm 34% tổng số dự án và 1% tổng diện tích đất phải thu hồi.

- Chưa triển thực hiện: 05 dự án/74,01 ha, chiếm 17% tổng số dự án và chiếm 9% tổng diện tích đất phải thu hồi.

+ Phân theo cấp chủ đầu tư dự án: cấp tỉnh làm chủ đầu tư 02 dự án/ 13 ha, chiếm 7% tổng số dự án và 2% tổng diện tích đất phải thu hồi; kêu gọi đầu tư 03 dự án/61,01 ha chiếm 10% tổng số dự án và 8% tổng diện tích đất phải thu hồi.

+ Phân theo nguồn vốn đầu tư: dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước: 02 dự án/13 ha, chiếm 7% tổng số dự án và 2% tổng diện tích đất phải thu hồi; dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách: 03 dự án/ 61,01 ha, chiếm 10 % tổng số dự án và 8% tổng diện tích đất phải thu hồi (toàn bộ 3 dự án thuộc nhóm dự án kêu gọi đầu tư).

- Hủy bỏ không thực hiện: 01 dự án/1 ha, cụ thể: Dự án Cải tạo đường dây 220kV Đa Nhim - Đức Trọng - Di Linh hủy bỏ vì do khó khăn cắt điện thi công ĐD hiện hữu và không mở rộng được TBA 220 kv TĐ Đa Nhim và trong Quy hoạch Điện VIII sẽ xây mới Đường dây 220 kV: Trạm cắt 220 kv Đa Nhim - Đức Trọng - Di Linh thay thế cho công trình cải tạo ĐD 220 kv Đa Nhim - Đức Trọng - Di Linh từ 01 mạch lên 02 mạch.

d) Kết quả thực hiện danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất.

Kế hoạch năm 2023 huyện Ninh Sơn có 31 dự án/358,99 ha chuyển mục đích sử dụng đất, kết quả thực hiện như sau:

Biểu 6: KẾT QUẢ THỰC HIỆN DANH MỤC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch năm 2023			Ghi chú	
		Diện tích (ha)	Chuyển từ các loại đất			
			Đất lúa	Đất rừng		Đất khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng số có 31 dự án/ 358,99 ha	358,99		2,92	356,07	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch năm 2023				Ghi chú
		Diện tích (ha)	Chuyển từ các loại đất			
			Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Đã triển khai thực hiện 07 dự án/ 61,08 ha (thực hiện xong 03 dự án/ 26,9 ha; đang thực hiện 04 dự án/ 34,18 ha).	61,08		0,30	60,78	
1	Công ty Cổ phần NCS Núi Ngõng thuê đất Khai thác mỏ đá xây dựng Núi Ngõng (thực hiện xong)	9,00			9,00	Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của UBND tỉnh
2	Công Ty Hợp Thành thuê đất khai thác cát xây dựng (thực hiện xong)	7,73			7,73	Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của UBND tỉnh địa bàn xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận
3	Dự án khai thác đất làm vật liệu san lấp tại Núi Ngõng, xã Nhơn Sơn (thực hiện xong)	10,17			10,17	Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 của UBND tỉnh Về việc cho Công ty TNHH Huy An thuê đất để thực hiện dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại Núi Ngõng, xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn
4	Dự án Trang trại chăn nuôi heo nái sinh sản	20,45			20,45	Đã có quyết định chủ trương đầu tư.

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch năm 2023				Ghi chú
		Diện tích (ha)	Chuyển từ các loại đất			
			Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Thắng Phương					Đang thực hiện thủ tục đất đai
5	Mở rộng tổ hợp sản xuất, chế biến vật liệu xây dựng (Công ty TNHH TM&XD Sơn Long Thuận)	13,00			13,00	Đã đưa vào hiện trạng từ Kiểm kê năm 2019. Kế hoạch năm 2023 thực hiện cho thuê đất, diện tích 4,65 ha theo Văn bản số 4538/UBND-KTTH ngày 31/10/2023 của UBND tỉnh.
6	Hệ thống cấp nước Tà Nôi	0,30		0,30		Bổ sung tại Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 27/6/2023
7	Công ty TNHH xăng dầu Hiệp Thành Phát (tổng diện tích 0,61 ha, trong đó có 0,18 ha đất hành lang giao thông)	0,43			0,43	Tên dự án: Dự án mở rộng Cửa hàng xăng dầu Petrolimex - Cửa hàng 230, Quốc lộ 27, xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận; Chủ đầu tư: Công ty xăng dầu Phú Khánh
II	Chưa thực hiện: 24 dự án/ 297,91 ha	297,91		2,62	295,29	
1	Dự án Đa mục tiêu Hasee	97,44		2,62	94,82	Đã có quyết định chủ trương đầu tư nhưng Chủ dự án

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch năm 2023				Ghi chú
		Diện tích (ha)	Chuyển từ các loại đất			
			Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						đã xin dừng dự án
2	Trang trại chăn nuôi (Công ty Thuận Lộc Phát)	14,18			14,18	Chưa có quyết định chủ trương đầu tư
3	Trang trại Nông trang Lâm Sơn 2 tại thôn Trà Giang 4, xã Lương Sơn	10,40			10,40	Chưa có quyết định chủ trương đầu tư
4	Trang trại 3H Pig Gold, tại xứ đồng suối Mây	15,80			15,80	Chưa có quyết định chủ trương đầu tư
5	Trang trại Hoàng Sơn, tại thôn Tầm Ngân 1	17,60			17,60	Chưa có quyết định chủ trương đầu tư
6	Trang trại chăn nuôi heo thịt (Công ty TNHH Thanh An)	8,14			8,14	Chưa có quyết định chủ trương đầu tư
7	Trang trại chăn nuôi (Công ty Phú An Điền)	19,80			19,80	Chưa có quyết định chủ trương đầu tư
8	Trang trại chăn nuôi (Nông trang Lâm Phú)	32,99			32,99	Chưa có quyết định chủ trương đầu tư
9	Trang trại chăn nuôi (ĐT 85 Ninh Thuận)	18,96			18,96	Chưa có quyết định chủ trương đầu tư
10	Trang trại chăn nuôi (Công ty Phú Danh)	12,20			12,20	Chưa có quyết định chủ trương đầu tư
11	Công ty CP thực phẩm cánh đồng Việt thuê đất	4,84			4,84	Chưa có quyết định chủ trương đầu tư

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch năm 2023				Ghi chú
		Diện tích (ha)	Chuyển từ các loại đất			
			Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
12	Siêu thị Tân Sơn (Kêu gọi đầu tư)	2,30			2,30	Chưa có quyết định chủ trương đầu tư
13	Cửa hàng xăng dầu Đức Quế	0,10			0,10	Chưa có quyết định chủ trương đầu tư
14	Công ty TNHH Liên Minh thuê đất	3,50			3,50	Chưa có quyết định chủ trương đầu tư
15	Cho thuê sử dụng vào mục đích kinh doanh dịch vụ	1,92			1,92	Chưa có quyết định chủ trương đầu tư
16	Thuê đất thăm dò vật liệu san lấp (Công ty TNHH TM&DV Phú Sơn Bình)	3,00			3,00	Chưa có quyết định chủ trương đầu tư
17	Mỏ cát xây dựng (Công ty Hoa Song)	6,50			6,50	Chưa có quyết định chủ trương đầu tư
18	Công ty TNHH Khoáng sản Hòa Bình Ninh Thuận thuê đất	8,30			8,30	Chưa có quyết định chủ trương đầu tư
19	Khu chế biến đá xây dựng Núi Tiêng (khu 1) (Công ty TNHH TM&DV Sơn Long Thuận)	2,00			2,00	Chưa có quyết định chủ trương đầu tư
20	Trạm rửa cát nghiền nhân tạo (Công ty TNHH TM&DV Sơn Long Thuận)	1,00			1,00	Chưa có quyết định chủ trương đầu tư
21	Khu chế biến đá xây dựng Núi Tiêng (khu 2)	1,00			1,00	Chưa có quyết định chủ trương đầu tư
22	Công ty Cổ phần	1,14			1,14	Chưa có quyết định

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch năm 2023				Ghi chú
		Diện tích (ha)	Chuyển từ các loại đất			
			Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	NCS Núi Ngõng thuê đất xây dựng Nhà máy chế biến đá xây dựng Núi Ngõng					chủ trương đầu tư
23	Công ty Cổ phần xây dựng Ninh Thuận	1,30			1,30	Chưa có quyết định chủ trương đầu tư
24	Dự án trồng cây lâu năm kết hợp chăn nuôi gia súc có sừng (Công ty Hoàng Lĩnh Lâm Đồng)	13,50			13,50	Chưa có quyết định chủ trương đầu tư

Đánh giá kết quả thực hiện:

- Đã triển khai thực hiện 07 dự án/61,08 ha, trong đó: thực hiện xong 03 dự án/26,9 ha; đang thực hiện 04 dự án/34,18 ha; chiếm 23% tổng số dự án và 17% tổng diện tích.

- Chưa thực hiện: 24 dự án/297,91 ha, chiếm 77% tổng số dự án và 83 % tổng diện tích. Nguyên nhân chưa thực hiện do các doanh nghiệp đăng ký kế hoạch nhưng chưa có quyết định chủ trương đầu tư.

e) Kết quả thực hiện các khu vực sử dụng đất khác

** Cho thuê đất:*

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ninh Sơn có 07 khu vực/ 50,72 ha cho thuê đất, kết quả thực hiện như sau:

Biểu 7: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHO THUÊ ĐẤT

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch năm 2023				Ghi chú
		Diện tích (ha)	Chuyển từ các loại đất			
			Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng số có 07 dự án/	50,72			50,72	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch năm 2023				Ghi chú
		Diện tích (ha)	Chuyển từ các loại đất			
			Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	50,72 ha					
I	Đã triển khai thực hiện 04 dự án/ 47,56 ha (thực hiện xong 01 dự án/ 15 ha; đang thực hiện 03 dự án/ 32,56 ha).	47,56			47,56	
1	Bãi thải phục vụ dự án Thủy điện Mỹ Sơn	15,00			15,00	Thực hiện xong
2	Khu giết mổ tập trung	1,98			1,98	Đã có quyết định thu hồi, chưa có quyết định giao đất
3	Cho thuê đất đối với hộ gia đình đối với đất vượt hạn mức	30,00			30,00	Đang làm hồ sơ thuê đất
4	Cho thuê đất các thửa 468/tờ BĐ số 18; thửa 81/ tờ BĐ số 82; thửa 223BĐ số tờ 90.	0,58			0,58	Đang làm hồ sơ thuê đất
II	Chưa thực hiện: 03 dự án/ 3,16 ha	3,16			3,16	
1	Thuê đất sản xuất vật liệu xây dựng (Công ty Nam Châu Sơn)	2,333			2,333	hiện tại mỏ đang dừng hoạt động
2	Công ty Cổ phần xe khách Phương Trang Futabuslines thuê để phục vụ hành khách công cộng gắn với các tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh	0,630			0,630	Chưa thực hiện

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch năm 2023				Ghi chú
		Diện tích (ha)	Chuyển từ các loại đất			
			Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3	Cho thuê đất giáp chợ Tân Sơn	0,200			0,200	Chưa thực hiện

Đánh giá kết quả thực hiện:

- Đã triển khai thực hiện 04 khu vực/47,56 ha, chiếm 57% tổng số khu vực và 94% tổng diện tích (thực hiện xong 01 dự án/ 15 ha; đang thực hiện 03 khu vực/ 32,56 ha).

- Chưa triển khai thực hiện 03 khu vực/3,16 ha, chiếm 43% tổng số khu vực và 6 % tổng diện tích. Nguyên nhân chưa triển khai thực hiện: đây là các khu vực các doanh nghiệp đăng ký kế hoạch nhưng không triển khai thực hiện.

*** Đầu giá quyền sử dụng đất:**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ninh Sơn có 19 khu vực/9,53 ha đầu giá quyền sử dụng đất, kết quả thực hiện như sau:

Biểu 8: KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch năm 2023				Ghi chú
		Diện tích (ha)	Chuyển từ các loại đất			
			Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng số có 19 khu vực/ 9,53 ha	9,53			9,53	
I	Đã triển khai thực hiện 18 khu vực/ 9,51 ha (thực hiện xong 01 dự án/ 0,23 ha; đang thực hiện 17 dự án/ 9,28 ha).	9,51			9,51	
1	Đầu giá cho thuê đất sử dụng vào mục đích thương mại dịch vụ tại TT Tân Sơn, diện tích	0,23			0,23	Thực hiện xong

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch năm 2023				Ghi chú
		Diện tích (ha)	Chuyển từ các loại đất			
			Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	0,23 ha					
2	Đấu giá thửa đất Trụ sở KP 4, thị trấn Tân Sơn, thửa đất số 229/tờ 23-3	0,10			0,10	
3	Đấu giá thửa đất tại thị trấn Tân Sơn. Các thửa đất 18, 20, 21, 22, 23/ tờ 30; một phần các thửa số 16, 100, 103, 60/ tờ 30; các thửa số 688, 689, 687, 685, 694/ tờ 23.	1,50			1,50	
4	Đấu giá trụ sở bảo hiểm (cũ)	0,05			0,05	
5	Đấu giá Trung tâm y tế huyện (cũ),	1,43			1,43	
6	Bán đấu giá trụ sở thôn Hạnh Trí (thửa 317 tờ 63)	0,02			0,02	
7	Đấu giá lô đất xưởng cửa cũ xã Quảng Sơn. Các thửa số 200, 199/ tờ 63	1,52			1,52	
8	Đấu giá quyền sử dụng đất thửa số 94/ tờ 58 xã Hòa Sơn	0,03			0,03	
9	Đấu giá đất HTX dịch vụ nông nghiệp Đắc Nhơn thôn Đắc Nhơn	0,38			0,38	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch năm 2023				Ghi chú
		Diện tích (ha)	Chuyển từ các loại đất			
			Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	2, thửa đất số 77/ tờ 46-1 xã Nhơn Sơn					
10	Đấu giá đất HTX dịch vụ nông nghiệp Đắc Nhơn thôn Đắc Nhơn 2, thửa đất số 198/ tờ 45-3 xã Nhơn Sơn	0,12			0,12	
11	Đấu giá quyền sử dụng đất thửa số 99/tờ 44-2 xã Nhơn Sơn	0,01			0,01	
12	Đấu giá quyền sử dụng đất thửa đất số 304/Tờ số 130 xã Lâm Sơn	0,02			0,02	
13	Đấu giá quyền sử dụng đất thửa đất số 41, 42, 43/ tờ 131	1,23			1,23	
14	Đấu giá thửa đất tại khu phố 6 thuộc tờ bản đồ 6-4 (Hiện trạng là đất giao thông, quy hoạch đất ở giáp đất ông Nguyễn Thanh Hùng)	0,02			0,02	
15	Đấu giá thửa 1,2,3 tờ 80 đất TMD	0,20			0,20	
16	Đấu giá thửa 301 tờ 22	0,05			0,05	
17	Đấu giá khu tái định cư xã Lâm Sơn (dự án Nâng cấp Quốc lộ 27)	0,80			0,80	
18	Đấu giá khu tái định cư xã Mỹ Sơn (dự án Nâng cấp Quốc lộ 27)	1,80			1,80	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch năm 2023				Ghi chú
		Diện tích (ha)	Chuyển từ các loại đất			
			Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
II	Chưa thực hiện: 01 khu vực/ 0,02 ha	0,02			0,02	
1	Đầu giá thửa đất tại khu phố 6 TT Tân Sơn (Hiện trạng là đất giao thông, quy hoạch đất ở giáp đất ông Nguyễn Thanh Hùng	0,02			0,02	

Đánh giá kết quả thực hiện:

- Đã triển khai thực hiện 18 khu vực/9,51 ha, chiếm 95% tổng số khu vực và 99,8% tổng diện tích, trong đó: thực hiện xong 01 dự án/0,23 ha; đang thực hiện 17 dự án/9,28 ha.

- Chưa triển khai thực hiện 01 khu vực/0,02 ha, chiếm 5% tổng số khu vực và 0,2% tổng diện tích.

*** Giao đất:**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ninh Sơn có 19 khu vực/57,87 ha giao đất, kết quả thực hiện như sau:

Biểu 9: KẾT QUẢ THỰC HIỆN DANH MỤC CÁC KHU VỰC GIAO ĐẤT NĂM 2023

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch năm 2023				Ghi chú
		Diện tích (ha)	Chuyển từ các loại đất			
			Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng số có 19 khu vực/ 57,87 ha	57,87	17,52		40,35	
I	Đã triển khai thực hiện 15 khu vực/ 57,72 ha (thực hiện	57,72	17,52		40,20	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch năm 2023				Ghi chú
		Diện tích (ha)	Chuyển từ các loại đất			
			Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	<i>xong 04 dự án/ 0,14 ha; đang thực hiện 11 dự án/ 58,02 ha).</i>					
1	Giao đất hộ gia đình cá nhân dự án Nâng cấp Quốc lộ 27	0,035			0,035	Thực hiện xong. Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của UBND huyện (Bà Diệp Thị Vân Hương- thửa 180/ Tờ 131 thôn Tân Bình)
2	Giao đất tái định cư, giao đất có thu tiền sử dụng đất dự án đường Phạm Văn Đồng	0,015			0,015	Thực hiện xong. Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 của UBND huyện (Ô. Đỗ Văn Tú, thửa số 290/Tờ 61 thôn Triệu Phong)
3	Giao đất tái định cư, giao đất có thu tiền sử dụng đất dự án đường Phạm Văn Đồng	0,017			0,017	Thực hiện xong. Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 của UBND huyện (Ông Lê Huy Quang- lô E25 Khu TĐC Cầu Gãy)

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch năm 2023				Ghi chú
		Diện tích (ha)	Chuyển từ các loại đất			
			Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4	Giao đất TĐC dự án Đường bộ Cao tốc Bắc - Nam	0,067			0,067	Thực hiện xong. Quyết định số 749/QĐ-UBND và Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 của UBND huyện (Ông Lê Văn Luân và ông Lê Trung Bình thôn Nha Hồ 2)
5	Giao đất tái định cư, có thu tiền thu tiền sử dụng đất dự án Kè Sông Ông	0,030			0,030	Kết quả kiểm kê diện tích thực tế 0,03 ha (thấp hơn chỉ tiêu KH được duyệt: 0,07 ha); năm 2023 đang thực hiện, chuyển tiếp thu hồi năm 2024: 0,030 ha.
6	Giao đất hộ gia đình cá nhân dự án nâng cấp tuyến đường giao thông xã Lâm Sơn.	0,01			0,01	Đang thực hiện
7	Giao đất tái định cư dự án Thao trường, huấn luyện Núi Đỏ, xã Mỹ Sơn	0,03			0,03	Đang thực hiện

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch năm 2023				Ghi chú
		Diện tích (ha)	Chuyển từ các loại đất			
			Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
8	Giao đất TĐC dự án Hồ Tùng Mậu	0,035			0,035	Kết quả kiểm kê diện tích kế hoạch 0,035 ha (thấp hơn chỉ tiêu KH được duyệt: 0,005 ha); năm 2023 đang thực hiện chưa xong, chuyển tiếp thu hồi năm 2024: 0,035 ha. (Bà Nhung, Bà Tân)
9	Giao đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	0,010			0,010	UBND TT Tân Sơn đã niêm yết công khai từ ngày 25/7/2023 đến 25/8/2023
10	Giao đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	0,0052			0,0052	UBND TT Tân Sơn đã niêm yết công khai từ ngày 25/7/2023 đến 25/8/2023
11	Giao đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	0,0075			0,0075	UBND TT Tân Sơn đã niêm yết công khai từ ngày 25/7/2023 đến 25/8/2023
12	Giao đất TĐC dự án Đường dây 500Kv Vân Phong - Vĩnh Tân	0,017			0,017	Kết quả kiểm kê diện tích thực tế 0,017 ha (thấp hơn kế hoạch được duyệt: 0,023 ha). Năm 2023 đang thực hiện, chưa xong, chuyển tiếp thực hiện năm

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch năm 2023				Ghi chú
		Diện tích (ha)	Chuyển từ các loại đất			
			Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						2024: 0,017 ha
13	Giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất dự án đường Hà Huy Tập, TT Tân Sơn	0,03			0,03	Bà Hiên
14	Giao đất thực hiện dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2017 – 2020, đoạn qua huyện Ninh Sơn	56,30	17,52		38,78	
15	Giao đất cho Trường mẫu giáo thôn Lương Giang	1,110			1,110	
II	Chưa thực hiện: 04 khu vực/ 0,15 ha	0,15			0,15	
1	Giao đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	0,004			0,004	
2	Đất đổi diện Công an huyện, thửa đất số 512/tờ 14-4	0,03			0,03	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch năm 2023			Ghi chú	
		Diện tích (ha)	Chuyển từ các loại đất			
			Đất lúa	Đất rừng		Đất khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3	thửa 254 tờ 15-3 và 1 phần thửa 167/ tờ bản đồ 14-2 TT Tân Sơn	0,02			0,02	
4	Giao đất tái định cư dự án Chợ Nhơn Sơn	0,10			0,10	

Đánh giá kết quả thực hiện:

- Đã triển khai thực hiện 15 khu vực/ 57,72 ha, chiếm 79 % tổng số khu vực và 99,7 % tổng diện tích, trong đó: thực hiện xong 04 dự án/ 0,14 ha; đang thực hiện 11 dự án/ 58,02 ha.

- Chưa triển khai thực hiện 4 khu vực/ 0,15 ha, chiếm 11 % tổng số khu vực và 0,3 % tổng diện tích.

*** Hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất:**

Kết quả thực hiện như sau:

- Chuyển mục đích đất ở nông thôn: kết quả thực hiện 3,08 ha/ 23,29 ha, chỉ đạt 13% chỉ tiêu kế hoạch;

- Chuyển mục đích đất ở đô thị: Kết quả thực hiện 0,95 ha/ 8,68 ha, chỉ đạt 11% chỉ tiêu kế hoạch;

- Chuyển mục đích đất thương mại, dịch vụ: Diện tích kế hoạch được phê duyệt 1,04 ha, kết quả chưa thực hiện.

Nguyên nhân kết quả chuyển mục đích đạt thấp do tình hình thị trường bất động sản có biến động, nhiều hộ gia đình, cá nhân đăng ký nhưng không thực hiện.

g) Đánh giá danh mục công trình dự án quá 3 năm chưa thực hiện

- Danh mục dự án phải thu hồi đất: Trong danh mục 05 dự án chưa triển khai thực hiện có 02 dự án thu hồi đất trong năm 2021 (Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 và Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 17/5/2021), đến nay có 02 dự án quá 3 năm chưa triển khai thực hiện thu hồi đất: 1- Dự án Khu đô thị Bắc Sông Ông 19,39 ha; 2- Dự án Khu đô thị mới Đông Nam thị trấn Tân Sơn 18,317 ha. Nguyên nhân do đây là dự án đầu tư có sử dụng đất, phải thực hiện công tác chuẩn bị để đấu thầu dự án, mất nhiều thời gian, trong đó có việc xác định giá khởi điểm. Trên thực tế các công tác chuẩn bị đang giai đoạn hoàn thiện, đồng thời đây là dự án đầu tư phát triển đô thị quan trọng

trên địa bàn huyện, thuộc nhóm dự án do cấp tỉnh kêu gọi đầu tư, do đó đề nghị chuyển tiếp thực hiện năm 2024.

- Danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất lúa: Kết quả rà soát, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2021 (Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 và Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 17/5/2021), trên địa bàn huyện Ninh Sơn có 04 dự án quá 3 năm liên tiếp chưa chuyển mục đích đất trồng lúa: 1- Cải tạo tiết diện ĐĐ 110 kv Đa Nhim - trạm 220 kv Tháp Chàm; 2- Cải tạo nâng khả năng tải ĐĐ 110 kv Đa Nhim-Hạ Sông Pha-Ninh Sơn-Tháp Chàm; 3- Đường điện 22 kv đấu nối nhà máy thủy điện Tân Mỹ; 4- Đường dây 22 kv đấu nối nhà máy thủy điện Thượng Sông Ông 1.

Hiện nay 4 dự án trên đang thực hiện công tác thu hồi đất, phải chuyển tiếp thực hiện năm 2024. Do đó cần thiết phải trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục các dự án chuyển mục đích đất trồng lúa để thực hiện đồng bộ trong kế hoạch năm 2024

2.1.2. Đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023

So sánh các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023 được phê duyệt Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 11/6/2023 và được phê duyệt cập nhật, bổ sung tại Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh với hiện trạng sử dụng đất huyện Ninh Sơn năm 2023 cho kết quả như sau:

a) Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Biểu 10: Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích Kế hoạch năm 2023 được phê duyệt (ha)	Kết quả thực hiện đến 31/12/2023		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					So sánh (ha)	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4) x 100%
	Tổng diện tích tự nhiên		77164,74	77164,74		100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	68482,38	68694,11	211,72	100,31
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3934,80	3946,78	11,99	100,30
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	3158,50	3170,45	11,96	100,38
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	14097,10	14339,49	242,40	101,72

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích Kế hoạch năm 2023 được phê duyệt (ha)	Kết quả thực hiện đến 31/12/2023		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					So sánh (ha)	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4) x 100%
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4655,18	4701,78	46,60	101,00
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	33535,83	33656,25	120,42	100,36
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	11463,68	11511,45	47,77	100,42
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	10154,80	10198,50	43,70	100,43
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	126,64	126,81	0,17	100,13
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	669,16	411,53	-257,63	61,50
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6420,35	6150,44	-269,90	95,80
2.1	Đất quốc phòng	CQP	349,00	349,00		100,00
2.2	Đất an ninh	CAN	5,49	5,19	-0,29	94,65
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	47,95		-47,95	
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	11,15	11,22	0,07	100,63
2.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	59,31	83,03	23,72	139,99
2.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	38,98	38,98		100,00
2.5	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	223,17	192,04	-31,14	86,05
2.6	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp	DHT	2753,40	2530,08	-223,32	91,89

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích Kế hoạch năm 2023 được phê duyệt (ha)	Kết quả thực hiện đến 31/12/2023		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					So sánh (ha)	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4) x 100%
	huyện, cấp xã					
	Đất giao thông	DGT	1040,60	989,17	-51,44	95,06
	Đất thủy lợi	DTL	833,00	687,61	-145,40	82,55
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,72	1,72		100,00
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	5,07	5,07		100,00
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	54,18	54,14	-0,03	99,94
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	22,95	22,95		100,00
	Đất công trình năng lượng	DNL	638,27	611,82	-26,45	95,86
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,53	0,53		100,00
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	26,95	26,95		100,00
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ	NTD	120,28	120,28		100,00
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	<i>DXH</i>	4,92	4,92		100,00
	Đất chợ	DCH	4,92	4,92		100,00
2.7	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	5,51	5,51		100,00
2.8	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	1,38	1,38		100,00
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	931,58	934,56	2,98	100,32
2.10	Đất ở tại đô thị	ODT	142,37	141,04	-1,33	99,06
2.11	Đất xây dựng trụ	TSC	8,63	8,88	0,25	102,85

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích Kế hoạch năm 2023 được phê duyệt (ha)	Kết quả thực hiện đến 31/12/2023		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					So sánh (ha)	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4) x 100%
	sở cơ quan					
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	8,84	8,84		100,00
2.13	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	4,22	4,22		100,00
2.14	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1817,25	1824,36	7,11	100,39
2.15	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	12,10	12,10		100,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	2262,01	2320,19	58,18	97,49

Đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023

- Có 16/42 chỉ tiêu đạt 100%, chiếm 38% tổng số chỉ tiêu kế hoạch. Trong đó: Chỉ tiêu tổng diện tích tự nhiên có 1 chỉ tiêu; Chỉ tiêu các loại đất của nhóm đất phi nông nghiệp có 15 chỉ tiêu.

- Có 14/42 chỉ tiêu thực hiện > 100% chỉ tiêu kế hoạch được duyệt (thực hiện cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt), chiếm 33% tổng số chỉ tiêu.

Trong đó:

+ Nhóm đất nông nghiệp có 09 chỉ tiêu thực hiện cao hơn kế hoạch được phê duyệt, gồm: (1) Đất nông nghiệp thực hiện cao hơn 211,72 ha; (2) Đất trồng lúa thực hiện cao hơn 11,99 ha; (3) Đất chuyên trồng lúa nước thực hiện cao hơn 11,96 ha; (4) Đất trồng cây hàng năm khác thực hiện cao hơn 242,4 ha; (5) Đất trồng cây lâu năm thực hiện cao hơn 46,6 ha; (6) Đất rừng phòng hộ thực hiện cao hơn 120,42 ha; (7) Đất rừng sản xuất thực hiện cao hơn 47,77 ha; (8) Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên thực hiện cao hơn 43,7 ha; (9) Đất nuôi trồng thủy sản thực hiện cao hơn 0,17 ha.

Nguyên nhân các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp thực hiện cao hơn chỉ tiêu kế hoạch là do chưa chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các dự án lớn như Hồ chứa nước sông Than, Đường từ xã Ma Nới, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng thuộc dự án Đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng,.... (không

phải do khai hoang mở rộng diện tích đất nông nghiệp ngoài kế hoạch được duyệt);

+ Nhóm đất phi nông nghiệp có 05 chỉ tiêu thực hiện cao hơn kế hoạch được phê duyệt. Nguyên nhân thực hiện cao hơn chỉ tiêu kế hoạch cụ thể từng loại đất như sau:

(1) Đất thương mại, dịch vụ thực hiện cao hơn 0,07 ha là do chưa thực hiện chuyển mục đích đất thương mại, dịch vụ sang đất cụm công nghiệp Quảng Sơn và cũng do chưa thực hiện cho thuê đất xây dựng Cửa hàng xăng dầu Đức Quế (không phải do mở rộng diện tích đất thương mại, dịch vụ ngoài kế hoạch được duyệt).

(2) Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp thực hiện cao hơn 23,72 ha so với chỉ tiêu kế hoạch là do chưa thực hiện xong Cụm công nghiệp Quảng Sơn nên chưa chuyển mục đích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp sang đất cụm công nghiệp theo kế hoạch được duyệt (không phải do mở rộng diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp ngoài kế hoạch được duyệt) và cũng do chưa thực hiện 03 dự án cho thuê đất: (1) Công ty Cổ phần NCS Núi Ngõng thuê đất xây dựng Nhà máy chế biến đá xây dựng Núi Ngõng; (2) Công ty Cổ phần NCS Núi Ngõng thuê đất xây dựng Nhà máy chế biến đá xây dựng Núi Ngõng; (3) Công ty TNHH TM&DV Sơn Long Thuận thuê đất Khu chế biến đá xây dựng Núi Tiêng (khu 2).

(3) Đất ở tại nông thôn thực hiện cao hơn 2,98 ha, do chưa chuyển đất ở sang đất thủy lợi tại Tiểu dự án phát triển thủy lợi phục vụ nông nghiệp công nghệ cao Thành Sơn-Phước Sơn và Nhơn Hải - Thanh Hải, tỉnh Ninh Thuận, vay vốn ADB thuộc dự án "Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán" (Dự án WEIDAP/ADB8) và đất giao thông tại dự án dự án Đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (không phải do mở rộng diện tích đất ở nông thôn ngoài kế hoạch được duyệt);

(4) Đất xây dựng trụ sở cơ quan thực hiện cao hơn 0,25 ha so với chỉ tiêu kế hoạch là do chưa thực hiện chuyển mục đích đất trụ sở cơ quan sang đất an ninh của các dự án trụ sở làm việc Công an các xã Lương Sơn, Hòa Sơn và do chưa bán đấu giá trụ sở thôn Hạnh Trí xã Quảng Sơn (không phải do mở rộng diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan ngoài kế hoạch được duyệt);

(5) Đất sông suối thực hiện cao hơn 7,11 ha so với chỉ tiêu kế hoạch là do chưa chuyển mục đích đất sông suối sang đất công trình năng lượng để thực hiện dự án Nhà máy thủy điện thượng Sông Ông 2 và chưa chuyển sang đất thủy lợi để thực hiện Tiểu dự án phát triển thủy lợi phục vụ nông nghiệp công nghệ cao Thành Sơn-Phước Sơn và Nhơn Hải - Thanh Hải, tỉnh Ninh Thuận (không phải do mở rộng diện tích đất sông suối ngoài kế hoạch được duyệt).

- Có 12/42 chỉ tiêu đạt <100% (thấp hơn chỉ tiêu kế hoạch được duyệt), chiếm 29% tổng số chỉ tiêu kế hoạch. Trong đó:

+ Nhóm đất nông nghiệp có 01 chỉ tiêu thực hiện thấp hơn kế hoạch được phê duyệt (Đất nông nghiệp khác thực hiện thấp hơn chỉ tiêu kế hoạch được duyệt). Nguyên nhân thực hiện thấp hơn chỉ tiêu kế hoạch là do chưa thực hiện

giao đất cho các dự án trang trại chăn nuôi, nông nghiệp công nghệ cao tại các xã Lâm Sơn, Lương Sơn, Quảng Sơn, Mỹ Sơn theo kế hoạch được duyệt.

+ Nhóm đất phi nông nghiệp có 10 chỉ tiêu thực hiện thấp hơn kế hoạch được phê duyệt. Nguyên nhân do thực hiện chưa xong các công trình, dự án theo kế hoạch được duyệt như: dự án Đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (Dự án thành phần 2); Hồ thủy lợi sông Than; Tiểu dự án phát triển thủy lợi phục vụ nông nghiệp công nghệ cao Thành Sơn-Phước Sơn và Nhơn Hải - Thanh Hải, tỉnh Ninh Thuận; Đầu tư hoàn chỉnh kênh đường ống cấp II và Kênh cấp III thuộc hệ thống thủy lợi Sông Cái-Tân Mỹ; Hệ Thống chuyển nước Tân Mỹ-Hồ Bà Râu- Hồ Sông.

b) Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất

So sánh các chỉ tiêu kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 với thống kê đất đai năm 2023 huyện Ninh Sơn cho kết quả như sau:

Biểu 11: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất

ST T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích Kế hoạch năm 2023 được phê duyet (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					So sánh (ha)	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)- (4)	(7)=(5)/ (4)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	270,19	24,94	-245,25	9,23
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	12,37	0,39	-11,99	3,13
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	12,34	0,39	-11,96	3,13
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	66,69	23,57	-43,12	35,34
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	25,32	0,94	-24,38	3,72
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	120,42		-120,42	
1.5	Đất rừng sản	RSX/PNN	45,16		-45,16	

ST T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích Kế hoạch năm 2023 được phê duyet (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					So sánh (ha)	Tỷ lệ %
	xuất					
	<i>Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	43,70		-43,70	
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,21	0,04	-0,17	19,05
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH/PN N	0,02		-0,02	
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		241,27	17,15	-224,12	7,11
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR (a)	2,62		-2,62	
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OC T	0,06		-0,06	

Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp đã thực hiện 24,94 ha/270,19 ha, chỉ đạt 9,23% chỉ tiêu kế hoạch (thấp hơn 245,25ha).

Diện tích chuyển mục đích đạt thấp do nhiều dự án cấp tỉnh có quy mô lớn, đang thực hiện các bước thu hồi đất chưa xong nên chưa thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch được duyệt như: cụm công nghiệp Quảng Sơn, hồ chứa nước Sông Than đã thu hồi đất nhưng chưa giao đất).

Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp: Theo kế hoạch được duyệt năm 2023: 241,27 ha. Kết quả thực hiện được 17,15 ha, chủ yếu là do chưa thực hiện các dự án trang trại chăn nuôi nên chưa chuyển đất trồng

cây hàng năm sang đất nông nghiệp khác theo kế hoạch được duyệt.

c) Kết quả thực hiện thu hồi đất

Biểu 12: Kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích Kế hoạch năm 2023 được phê duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
			Diện tích (ha)	So sánh	
				So sánh (ha)	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)=(4)/(3)x 100%
1	Đất nông nghiệp	233,44	36,84	-196,60	15,78
1.1	Đất trồng lúa	9,65	5,65	-4,00	58,56
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	9,65	5,65	-4,00	58,56
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	37,81	28,58	-9,23	75,58
1.3	Đất trồng cây lâu năm	22,49	2,61	-19,88	11,59
1.4	Đất rừng phòng hộ	118,55		-118,55	
1.5	Đất rừng đặc dụng				
1.5	Đất rừng sản xuất	44,91		-44,91	
	<i>Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	43,70		-43,70	
1.6	Đất nông nghiệp khác	0,02		-0,02	
2	Đất phi nông nghiệp	42,61	8,89	-33,71	20,88
2.1	Đất thương mại, dịch vụ	0,17	0,17		100,00
2.2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	26,86	3,43	-23,43	12,76
2.3	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	1,36	3,76	2,40	276,68
2.4	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	4,80	1,53	-3,26	31,98
-	Đất giao thông	4,03	1,53	-2,49	38,08
-	Đất thủy lợi	0,70		-0,70	
-	Đất xây dựng cơ sở giáo	0,07		-0,07	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích Kế hoạch năm 2023 được phê duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
			Diện tích (ha)	So sánh	
				So sánh (ha)	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)=(4)/(3)x 100%
	dục và đào tạo				
2.5	Đất ở tại nông thôn	2,08		-2,08	
2.6	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,23		-0,23	

- Thu hồi đất nông nghiệp: Tổng diện tích đất nông nghiệp đã thu hồi 36,84 ha/233,44 ha, chỉ đạt 15,78% chỉ tiêu kế hoạch (thấp hơn 196,6 ha).

- Thu hồi đất phi nông nghiệp: Tổng diện tích đất nông nghiệp đã thu hồi 8,89 ha/42,6 ha, chỉ đạt 20,88 % chỉ tiêu kế hoạch (thấp hơn 33,71 ha).

Diện tích đất thu hồi đạt thấp do nhiều công trình, dự án triển khai nhưng thực hiện chưa xong, phải chuyển tiếp năm 2024.

d) Kết quả thực hiện khai thác đất chưa sử dụng vào sử dụng

Biểu 13: Kết quả thực hiện khai thác đất chưa sử dụng vào sử dụng

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích Kế hoạch năm 2022 được phê duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
			Diện tích (ha)	So sánh	
				So sánh (ha)	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)=(4)/(3) x 100%
1	Đất nông nghiệp	33,53		-33,53	
1.1	Đất trồng cây lâu năm				
1.1	Đất nông nghiệp khác	33,53		-33,53	
2	Đất phi nông nghiệp	24,65		-24,65	
2.1	Đất cụm công nghiệp	0,28		-0,28	
2.3	Đất thương mại, dịch vụ				
2.2	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm.	23,16		-23,16	
2.3	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	1,21		-1,21	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích Kế hoạch năm 2022 được phê duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
			Diện tích (ha)	So sánh	
				So sánh (ha)	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)=(4)/(3) x 100%
-	Đất giao thông	0,10		-0,10	
-	Đất thủy lợi	0,91		-0,91	
-	Đất công trình năng lượng	0,20		-0,20	

- Theo kế hoạch được duyệt năm 2023 sẽ đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho mục đích nông nghiệp 33,53 ha, mục đích phi nông nghiệp: 24,65 ha. Kết quả chưa thực hiện, do chưa thực hiện các dự án đa mục tiêu Hasee; dự án Mở rộng tổ hợp sản xuất, chế biến vật liệu xây dựng (Công ty TNHH TM&DV Sơn Long Thuận).

2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Từ những đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ninh Sơn cho thấy những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện như sau:

- Kế hoạch sử dụng đất hàng năm được lập trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được xây dựng trên cơ sở tích hợp các quy hoạch ngành, lĩnh vực như: quy hoạch 3 loại rừng, quy hoạch giao thông, quy hoạch thủy lợi, quy hoạch xây dựng, quy hoạch điện,... Trong quá trình triển khai thực hiện các quy hoạch trên có sự điều chỉnh quy hoạch hoặc triển khai dự án có sự điều chỉnh về quy mô, địa điểm so với quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt nên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện phải thường xuyên cập nhật, điều chỉnh, bổ sung và theo quy định dự án thu hồi đất khi có điều chỉnh diện tích thu hồi phải có thời gian để trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua mới đủ căn cứ pháp lý để thực hiện.

- Kế hoạch sử dụng đất hàng năm có một số dự án đầu tư có sử dụng đất như: dự án Khu đô thị Bắc Sông Ông; Khu đô thị Đông Nam thị trấn Tân Sơn thuộc nhóm kêu gọi đầu tư, cần phải thực hiện nhiều công đoạn chuẩn bị đấu thầu dự án, trong đó việc xác định giá khởi điểm là công việc rất quan trọng và rất khó khăn, tốn nhiều thời gian nên ảnh hưởng chung đến kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm cấp huyện.

2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

Nguyên nhân của những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ninh Sơn:

Nguyên nhân chủ quan: Việc xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất chưa phân tích kỹ đến khả năng thực hiện công tác thu hồi đất,

chuyển mục đích của dự án trong năm kế hoạch, có nhiều dự án công tác thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải trải qua nhiều năm thực hiện (dự án hồ Sông Than), hơn nữa có những dự án đang giai đoạn kêu gọi đầu tư (chưa có chủ dự án) vẫn tính vào chỉ tiêu sử dụng đất (tại Biểu 6), chuyển mục đích sử dụng đất (tại Biểu 07) và chỉ tiêu phải thu hồi đất (tại Biểu 08) dẫn đến chỉ tiêu kế hoạch rất cao nhưng kết quả thì chưa thực hiện được trong năm kế hoạch (thực tế tại huyện Ninh Sơn các dự án kêu gọi đầu tư còn chưa hoàn thành công tác kêu gọi trong năm kế hoạch). Do đó trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cần quan tâm đến tính khả thi về tiến độ thực hiện dự án trong năm kế hoạch.

Nguyên nhân khách quan: Thủ tục đầu tư thực hiện một số dự án có quy mô lớn mất nhiều thời gian, nhiều dự án quá trình lập phương án đền bù, tái định cư kéo dài nên phải lùi tiến độ thực hiện. Có nhiều hộ không chấp thuận nhận tiền bồi thường với lý do giá thấp, phải tuyên truyền, vận động mất rất nhiều thời gian như các Dự án Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Đa Nhim – Trạm 220kV Tháp Chàm; Dự án Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Đa Nhim – Hạ Sông Pha – Ninh Sơn – Tháp Chàm.

Nguồn lực của nhà đầu tư hạn chế, công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng phải trải qua nhiều công đoạn, phải cần nhiều thời gian thực hiện, dẫn đến không thể hoàn thành trong năm kế hoạch

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Căn cứ Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc Về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất tỉnh thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất tỉnh 5 năm (2021-2025) cho các huyện, thành phố; Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 và nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trong năm 2024 đã xác định các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

(xem chi tiết tại Biểu 6/CH)

3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.

3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất.

Trên cơ sở rà soát, đánh giá kết quả thực hiện danh mục công trình, dự án năm 2023 và đối chiếu với định hướng phát triển kinh tế xã hội năm 2024 của huyện, xác định danh mục công trình dự án năm 2023 chuyển tiếp thực hiện năm 2024 như sau:

- Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh năm 2023 chuyển tiếp thực hiện năm 2024: 3 dự án/0,26 ha, bao gồm: trụ sở làm việc công an xã Lương Sơn 0,06 ha, trụ sở làm việc công an xã Hòa Sơn 0,1 ha, trụ sở làm việc công an xã Ma Nới 0,1 ha.

- Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất năm 2023 chuyển tiếp sang năm 2024: 23 công trình dự án/801,28 ha;

- Công trình dự án chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 chuyển tiếp thực hiện năm 2024: 04 dự án/23,18 ha.

- Các khu vực sử dụng đất khác năm 2023 chuyển tiếp thực hiện năm 2024: Cho thuê đất 04 khu vực/33,19 ha; Đấu giá quyền sử dụng đất 17 khu vực/9,28 ha; Giao đất: 11 khu vực/1,41 ha.

(xem chi tiết tại Biểu 10/CH)

3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân

Trên cơ sở đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân, tổng hợp nhu cầu sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện Ninh Sơn như sau:

Biểu 14: Nhu cầu sử dụng các loại đất năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp	
1	Đất nông nghiệp khác	20,45
2	Đất phi nông nghiệp	297,04
2.1	Đất an ninh	0,57
2.2	Đất cụm công nghiệp	50,00
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	0,43
2.4	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	270,58
	Đất giao thông	97,33
	Đất thủy lợi	145,61
	Đất công trình năng lượng	27,67
2.5	Đất ở tại nông thôn	7,11
2.6	Đất ở tại đô thị	3,65

3.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất giữa các ngành, lĩnh vực

Trên cơ sở hiện trạng sử dụng đất năm 2023, nhu cầu sử dụng đất năm 2024 của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Tổng hợp và cân đối chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Ninh Sơn như sau:

Biểu 15: Kế hoạch sử dụng các loại đất năm 2024

TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024		
				Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Tăng (+), giảm (-) so với năm 2023

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)- (4)
	Tổng diện tích tự nhiên		77164,74	77164,74	100	
1	Đất nông nghiệp	NNP	68694,11	68367,41	88,60	-326,70
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3946,78	3905,41	5,06	-41,38
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	3170,45	3129,46	4,06	-40,99
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	14339,49	14175,62	18,37	-163,87
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4701,78	4692,24	6,08	-9,54
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	33656,25	33555,73	43,49	-100,52
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	11511,45	11479,99	14,88	-31,47
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	10198,50	10173,52	13,18	-24,98
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	126,81	126,60	0,16	-0,21
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	411,53	431,82	0,56	20,29
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6150,44	6483,02	8,40	332,58
2.1	Đất quốc phòng	CQP	349,00	349,00	0,45	
2.2	Đất an ninh	CAN	5,19	5,92	0,01	0,73
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN		50,00	0,06	50,00
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	11,22	11,48	0,01	0,26
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	83,03	59,04	0,08	-23,99
2.6	Đất hoạt động khoáng sản	SKS	38,98	38,98	0,05	
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	192,04	192,04	0,25	
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2530,08	2816,28	3,65	286,20
	Đất giao thông	DGT	989,17	1101,08	1,43	111,91
	Đất thủy lợi	DTL	687,61	833,22	1,08	145,61
	Đất xây dựng cơ	DVH	1,72	1,72	0,00	

TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024		
				Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Tăng (+), giảm (-) so với năm 2023
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(4)
	sở văn hóa					
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	5,07	5,07	0,01	
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	54,14	53,98	0,07	-0,17
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	22,95	22,95	0,03	
	Đất công trình năng lượng	DNL	611,82	640,66	0,83	28,84
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,53	0,53	0,00	
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	26,95	26,95	0,03	
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ	NTD	120,28	120,28	0,16	
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	4,92	4,92	0,01	
	Đất chợ	DCH	4,92	4,92	0,01	
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	5,51	5,51	0,01	
1.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	1,38	1,38	0,00	
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	934,56	939,66	1,22	5,09
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	141,04	154,69	0,20	13,65
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	8,88	8,18	0,01	-0,69
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	8,84	8,77	0,01	-0,07
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	4,22	4,22	0,01	
2.16	Đất sông, ngòi, suối	SON	1824,36	1824,26	2,36	-0,10
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	12,10	12,10	0,02	

TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024		
				Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Tăng (+), giảm (-) so với năm 2023
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(4)
2.17	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		1,50	0,00	1,50
3	Đất chưa sử dụng	CSD	2320,19	2314,31	3,00	-5,88

- Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã, thị trấn xem biểu 06/CH.

Phân tích nguyên nhân tăng, giảm diện tích các loại đất trong năm kế hoạch 2024:

3.3.1. Đất nông nghiệp

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 68694,11 ha đất nông nghiệp.

Diện tích đất nông nghiệp không thay đổi mục đích sử dụng đất so với năm 2023 là 68367,41 ha; giảm 326,7 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp.

Đến 31/12/2024 huyện Ninh Sơn có 68367,41 ha đất nông nghiệp, chiếm 88,6% tổng DTTN. Phân bố trên địa bàn TT Tân Sơn 1215,33 ha, các xã: Lâm Sơn 13811,53 ha, Lương Sơn 3454,02 ha, Quảng Sơn 6867,52 ha, Mỹ Sơn 10357,88 ha, Hòa Sơn 5355,72 ha, Ma Núi 25085,96 ha, Nhơn Sơn 2219,65 ha.

a) Đất trồng lúa

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 3946,78 ha đất trồng lúa, trong đó diện tích đất chuyên trồng lúa nước 3170,45 ha.

Diện tích đất trồng lúa không thay đổi mục đích sử dụng đất so với hiện trạng năm 2023 là 3905,41 ha (trong đó diện tích đất chuyên trồng lúa nước 3129,46 ha); giảm 41,39 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp (trong đó diện tích đất chuyên trồng lúa nước giảm 40,99 ha).

Đến 31/12/2024 diện tích đất trồng lúa của huyện Ninh Sơn là 3905,41 ha, chiếm 5,06% tổng DTTN. Trong đó diện tích đất chuyên trồng lúa nước 3129,46 ha, chiếm 4,09 % tổng DTTN.

b) Đất trồng cây hàng năm khác

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 14339,49 ha đất trồng cây hàng năm khác.

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác không thay đổi mục đích sử dụng đất so với hiện trạng năm 2023 là 14175,62 ha; giảm 163,87 ha, do chuyển đất nông nghiệp khác 20,45 ha, chuyển sang đất phi nông nghiệp 143,42 ha.

Đến 31/12/2024 đất trồng cây hàng năm khác của huyện Ninh Sơn là 14175,62 ha, chiếm 18,37 % tổng DTTN.

c) Đất trồng cây lâu năm

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 4701,78 ha đất trồng cây lâu năm.

Diện tích đất trồng cây lâu năm không thay đổi mục đích sử dụng đất so với năm 2023 là 4692,24 ha; giảm 9,54 ha, do chuyển sang đất phi nông nghiệp.

Đến 31/12/2024 diện tích đất trồng cây lâu năm của huyện Ninh Sơn là 4692,24 ha, chiếm 6,08 % tổng DTTN.

d. Đất trồng rừng phòng hộ

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 33656,25 ha đất rừng phòng hộ.

Diện tích đất rừng phòng hộ không thay đổi mục đích sử dụng đất so với năm 2023 là 33535,73 ha.

Diện tích đất rừng phòng hộ chuyển sang sử dụng cho mục đích đất khác trong năm 2023 là 100,52 ha, do chuyển sang đất phi nông nghiệp.

Đến 31/12/2024 diện tích đất rừng phòng hộ của huyện Ninh Sơn là 33555,73 ha, chiếm 43,49 % tổng DTTN. Phân bố tập trung nhiều ở các xã Ma Núi, Lâm Sơn, Hòa Sơn, Mỹ Sơn, Quảng Sơn.

e. Đất rừng sản xuất

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 11511,45 ha đất rừng sản xuất (trong đó có 10198,5 ha đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên).

Diện tích đất rừng sản xuất không thay đổi mục đích sử dụng đất so với hiện trạng năm 2023 là 14479,99 ha (trong đó có 10173,52 ha đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên).

Diện tích đất rừng sản xuất chuyển sang sử dụng cho mục đích đất khác trong năm 2024: 31,47 ha (có 24,98 ha đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên). Do chuyển sang đất phi nông nghiệp 31,47 ha (có 24,98 ha đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên).

Đến 31/12/2024 diện tích đất rừng sản xuất của huyện Ninh Sơn là 11479,99 ha, chiếm 14,88 % tổng DTTN. Trong đó diện tích đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên: 10173,52 ha, chiếm 13,18% tổng diện tích tự nhiên.

Đất rừng sản xuất tập trung nhiều tại các xã: Ma Núi, Mỹ Sơn, Hòa Sơn, Quảng Sơn.

f) Đất nuôi trồng thủy sản

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 126,81 ha đất nuôi trồng thủy sản.

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản không thay đổi mục đích sử dụng đất so với năm 2023 là 126,6 ha, giảm 0,21 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp.

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang sử dụng cho mục đích đất phi nông nghiệp 0,21 ha.

Đến 31/12/2024 diện tích đất nuôi trồng thủy sản của huyện Ninh Sơn là 126,6 ha, chiếm 0,16 % tổng DTTN.

g) Đất nông nghiệp khác

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 411,53 ha đất nông nghiệp khác.

Diện tích đất nông nghiệp khác không thay đổi mục đích sử dụng đất so với năm 2023 là 411,37 ha.

Diện tích đất nông nghiệp khác chuyển sang sử dụng cho mục đích đất phi nông nghiệp 0,16 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp.

Diện tích các loại đất khác chuyển sang đất nông nghiệp khác trong năm 2024 là 20,45 ha do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 20,45 ha.

Đến 31/12/2024 diện tích đất nông nghiệp khác của huyện Ninh Sơn là 431,82 ha, chiếm 0,56% tổng DTTN.

3.3.2. Đất phi nông nghiệp

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 6150,44 ha đất phi nông nghiệp.

Diện tích đất phi nông nghiệp không thay đổi mục đích sử dụng đất so với năm 2023 là 6150,44 ha.

Diện tích các loại đất khác chuyển sang đất phi nông nghiệp 332,58 ha, do chuyển từ đất nông nghiệp 326,7 ha, từ đất chưa sử dụng 5,88 ha.

Đến 31/12/2024 diện tích đất phi nông nghiệp của huyện Ninh Sơn là 6483,02ha, chiếm 8,4% tổng DTTN. Phân bố trên địa bàn thị trấn Tân Sơn 541,49 ha và các xã: Lâm Sơn 649,48 ha, Lương Sơn 576,68 ha, Quảng Sơn 857,03 ha, Mỹ Sơn 1986,84 ha, Hòa Sơn 825,64 ha, Ma Nới 383,99 ha, Nhơn Sơn 661,86 ha.

a) Chi tiêu đất quốc phòng

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 349 ha đất quốc phòng.

Đến 31/12/2024 huyện Ninh Sơn có 349 ha đất quốc phòng, chiếm 0,45% diện tích tự nhiên (giữ nguyên hiện trạng năm 2023).

a) Chi tiêu đất an ninh

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 5,19 ha đất an ninh.

Diện tích các loại đất khác chuyển sang đất an ninh trong năm 2024 là 0,73 ha, do chuyển từ đất nông nghiệp 0,04 ha, chuyển đổi từ nội bộ đất phi nông nghiệp 0,53 ha.

Đến 31/12/2024 huyện Ninh Sơn có 5,92 ha đất an ninh, chiếm 0,01 % tổng DTTN.

b) Đất cụm công nghiệp

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn chưa có đất cụm công nghiệp.

Diện tích các loại đất khác chuyển sang cụm công nghiệp trong năm 2024 là 50 ha, do chuyển từ đất nông nghiệp 17,47 ha, chuyển đổi từ nội bộ đất phi nông nghiệp 32,24 ha, chuyển từ đất chưa sử dụng 0,28 ha.

Đến 31/12/2024 diện tích đất cụm công nghiệp của huyện là 50 ha, chiếm

0,06 % tổng DTTN. Phân bố trên địa bàn xã Quảng Sơn.

c) Đất thương mại, dịch vụ

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 11,22 ha đất thương mại dịch vụ.

Diện tích đất thương mại dịch vụ không thay đổi mục đích sử dụng so với năm 2023 là 11,05 ha; giảm 0,17 ha, do chuyển sang sử dụng cho mục đích đất cụm công nghiệp 0,17 ha.

Diện tích các loại đất khác chuyển sang đất thương mại dịch vụ trong năm 2024 là 0,43 ha, do chuyển từ đất nông nghiệp 0,43 ha.

Đến 31/12/2024 diện tích đất thương mại dịch vụ của huyện Ninh Sơn là 11,48 ha, chiếm 0,01 % tổng DTTN.

d) Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 83,03 ha đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp không thay đổi mục đích sử dụng đất so với năm 2023 là 52,41 ha.

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp chuyển sang sử dụng cho mục đích khác trong nội bộ nhóm đất phi nông nghiệp 30,62 ha.

Diện tích các loại đất khác chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trong năm 2024 là 6,63 ha.

Đến 31/12/2024 diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp huyện Ninh Sơn là 59,04 ha, chiếm 0,08 % tổng DTTN.

e) Đất khai thác khoáng sản

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 38,98 ha đất khai thác khoáng sản.

Đến 31/12/2024 huyện Ninh Sơn có 38,98 ha đất khai thác khoáng sản, chiếm 0,05% diện tích tự nhiên (giữ nguyên hiện trạng năm 2023).

e) Đất sản xuất vật liệu xây dựng

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 192,04 ha đất sản xuất vật liệu xây dựng.

Đến 31/12/2024 diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng huyện Ninh Sơn là 192,04 ha, chiếm 0,24% tổng DTTN.

f) Đất phát triển hạ tầng

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 2530,08 ha đất cơ sở hạ tầng.

Diện tích đất cơ sở hạ tầng không thay đổi mục đích sử dụng đất so với năm 2023 là 2528,44 ha, giảm 1,64 ha do chuyển sang các loại đất khác trong nội bộ nhóm đất phi nông nghiệp.

Diện tích các loại đất khác chuyển sang đất cơ sở hạ tầng 287,84 ha, do chuyển từ đất nông nghiệp 284,7 ha, chuyển từ các loại đất khác trong nhóm đất phi nông nghiệp 2,19 ha, chuyển từ đất chưa sử dụng 0,95 ha.

Đến 31/12/2024 diện tích đất cơ sở hạ tầng huyện Ninh Sơn là 2816,28 ha,

chiếm 3,65 % tổng DTTN.

Trong đó:

*** Đất giao thông**

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 989,17 ha đất giao thông.

Diện tích đất giao thông không thay đổi mục đích sử dụng đất so với năm 2023 là 987,66 ha, giảm 1,5 ha do chuyển sang các loại đất khác trong nhóm đất phi nông nghiệp.

Diện tích các loại đất khác chuyển sang đất giao thông 113,42 ha, do chuyển từ đất nông nghiệp 111,13 ha, chuyển đổi từ nội bộ đất phi nông nghiệp 2,19 ha, chuyển từ đất chưa sử dụng 0,1 ha.

Đến 31/12/2024 diện tích đất giao thông huyện Ninh Sơn là 1101,08 ha, chiếm 1,43 % tổng DTTN.

*** Đất thủy lợi**

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 687,61 ha đất thủy lợi.

Diện tích đất thủy lợi không thay đổi mục đích sử dụng đất so với năm 2023 là 687,61 ha.

Diện tích các loại đất khác chuyển sang đất thủy lợi trong năm 2024 là 145,61 ha, do chuyển từ đất nông nghiệp 144,74 ha, chuyển đổi từ nội bộ đất phi nông nghiệp 2,19 ha, chuyển từ đất chưa sử dụng 0,1 ha.

Đến 31/12/2024 diện tích đất thủy lợi huyện Ninh Sơn là 833,22 ha, chiếm 1,08 % tổng DTTN.

*** Đất xây dựng cơ sở văn hóa**

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 1,72 ha đất cơ sở văn hóa.

Đến 31/12/2024 huyện Ninh Sơn có 1,72 ha đất cơ sở văn hóa, chiếm 0,002% diện tích tự nhiên (giữ nguyên hiện trạng năm 2023).

*** Đất xây dựng cơ sở y tế**

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 5,07 ha đất cơ sở y tế.

Đến 31/12/2024 huyện Ninh Sơn có 5,07 ha đất cơ sở y tế., chiếm 0,01% diện tích tự nhiên (giữ nguyên hiện trạng năm 2023).

*** Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo**

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 54,14 ha đất cơ sở giáo dục và đào tạo.

Diện tích đất cơ sở giáo dục và đào tạo không thay đổi mục đích sử dụng đất so với năm 2023 là 53,98 ha, giảm 0,17 ha do chuyển sang sử dụng cho mục đích khác trong nội bộ nhóm đất phi nông nghiệp.

Đến 31/12/2024 diện tích đất cơ sở giáo dục và đào tạo của huyện Ninh Sơn là 53,98 ha chiếm 0,07 % tổng DTTN.

*** Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao**

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 22,95 ha đất cơ sở thể dục, thể thao.

Đến 31/12/2024 huyện Ninh Sơn có 22,95 ha đất cơ sở thể dục, thể thao, chiếm 0,03% diện tích tự nhiên (giữ nguyên hiện trạng năm 2023).

*** Đất công trình năng lượng**

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 611,82 ha đất công trình năng lượng.

Diện tích đất công trình năng lượng không thay đổi mục đích sử dụng đất so với năm 2023 là 611,82 ha.

Diện tích các loại đất khác chuyển sang đất công trình năng lượng trong năm 2024 là 28,84 ha, do chuyển từ đất nông nghiệp 28,83 ha, chuyển từ nội bộ các loại đất phi nông nghiệp 0,01 ha.

Đến 31/12/2024 huyện Ninh Sơn có 640,66 ha đất công trình năng lượng, chiếm 0,83 % tổng DTTN.

*** Đất công trình bưu chính viễn thông**

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 0,53 ha.

Đến 31/12/2024 huyện Ninh Sơn có 0,53 ha đất công trình năng lượng, chiếm 0,001 % diện tích tự nhiên (giữ nguyên hiện trạng năm 2023).

*** Đất cơ sở tôn giáo**

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 26,95 ha đất cơ sở tôn giáo .

Đến 31/12/2024 huyện Ninh Sơn có 26,95 ha đất cơ sở tôn giáo, chiếm 0,03% diện tích tự nhiên (giữ nguyên hiện trạng năm 2022).

*** Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ**

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 120,28 ha đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ.

Đến 31/12/2024 huyện Ninh Sơn có 120,28 ha đất nghĩa trang, nhà tang lễ, chiếm 0,16% diện tích tự nhiên (giữ diện tích hiện trạng năm 2023).

*** Đất cơ sở dịch vụ xã hội**

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 4,92 ha đất cơ sở dịch vụ xã hội.

Đến 31/12/2024 huyện Ninh Sơn có 4,92 ha đất cơ sở dịch vụ xã hội, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên (giữ nguyên hiện trạng năm 2023).

*** Đất chợ**

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 4,92 ha đất chợ.

Đến 31/12/2024 huyện Ninh Sơn có 4,92 ha đất chợ, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên (giữ nguyên hiện trạng năm 2023).

g) Đất sinh hoạt cộng đồng

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 5,51 ha đất sinh hoạt cộng đồng.

Đến 31/12/2023 huyện Ninh Sơn có 5,51 ha đất sinh hoạt cộng đồng, chiếm 0,01 % diện tích tự nhiên (giữ nguyên hiện trạng năm 2023).

h) Đất khu vui chơi giải trí công cộng

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 1,38 ha đất khu vui chơi giải trí công cộng.

Đến 31/12/2024 huyện Ninh Sơn có 1,38 ha đất khu vui chơi giải trí công cộng, chiếm 0,001% diện tích tự nhiên (giữ nguyên hiện trạng năm 2023).

i) Đất ở nông thôn

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 934,56 ha đất ở nông thôn.

Diện tích đất ở nông thôn không thay đổi mục đích sử dụng đất so với hiện trạng năm 2023 là 932,54 ha; giảm 2,02 ha do chuyển sang sử dụng cho mục đích đất khác trong nội bộ nhóm đất phi nông nghiệp,

Diện tích các loại đất khác chuyển sang đất ở nông thôn trong năm 2023 là 7,11 ha, do chuyển từ đất nông nghiệp 6,9 ha (*diện tích các hộ gia đình đăng ký chuyển mục đích đất nông nghiệp xen kẹt trong khu dân cư sang đất ở nông thôn năm 2023 là 19,23 ha, trong đó diện tích đã thống kê vào đất ở nông thôn 13,3 ha*); Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở 0,22 ha.

Đến 31/12/2024 huyện Ninh Sơn có 939,66 ha đất ở nông thôn, chiếm 1,22% tổng diện tích tự nhiên.

i) Đất ở đô thị

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 141,04 ha đất ở đô thị.

Diện tích đất ở đô thị không thay đổi mục đích sử dụng đất so với năm 2023 là 141,04 ha.

Diện tích các loại đất khác chuyển sang đất ở đô thị trong năm 2023 là 13,65 ha, do chuyển từ đất nông nghiệp 13,53 ha (*diện tích các hộ gia đình đăng ký chuyển mục đích đất nông nghiệp xen kẹt trong khu dân cư sang đất ở đô thị năm 2023 là 6,78 ha, trong đó diện tích đã thống kê vào đất ở 4,75 ha*); đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở đô thị 0,12 ha.

Đến 31/12/2024 huyện Ninh Sơn có 154,69 ha đất ở đô thị, chiếm 0,2% diện tích tự nhiên. Phân bố trên địa bàn thị trấn Tân Sơn.

j) Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 8,88 ha.

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan không thay đổi mục đích sử dụng đất so với năm 2023 là 8,18 ha; Giảm 0,7 ha do chuyển sang các loại đất khác trong nhóm đất phi nông nghiệp (xây dựng trụ sở làm việc công an các xã Quảng Sơn, Hòa Sơn, ...)

Đến 31/12/2024 huyện Ninh Sơn có 8,18 ha đất xây dựng trụ sở cơ quan, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên.

k) Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 8,84 ha.

Diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp không thay đổi mục đích sử dụng đất so với năm 2023 là 8,77 ha; Giảm 0,07 ha do chuyển sang các loại đất khác trong nhóm đất phi nông nghiệp

Đến 31/12/2024 huyện Ninh Sơn có 8,77 ha đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên.

k) Đất cơ sở tín ngưỡng

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 4,22 ha đất cơ sở tín ngưỡng.

Đến 31/12/2024 huyện Ninh Sơn có 4,22 ha đất cơ sở tín ngưỡng, chiếm 0,01 % diện tích tự nhiên (giữ nguyên hiện trạng năm 2023).

q) Đất sông, suối

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 1824,36 ha đất sông, suối.

Diện tích đất sông, suối không thay đổi mục đích sử dụng đất so với năm 2022 là 1824,26 ha.

Diện tích đất sông, suối chuyển sang sử dụng cho mục đích đất phi nông nghiệp 0,1 ha.

Đến 31/12/2024 huyện Ninh Sơn có 1846,26 ha, chiếm 2,36 % diện tích tự nhiên.

t) Đất có mặt nước chuyên dùng

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 12,1 ha.

Đến 31/12/2024 huyện Ninh Sơn có 12,1 ha đất có mặt nước chuyên dùng, chiếm 0,02 % tổng diện tích tự nhiên (giữ nguyên hiện trạng năm 2023).

u) Đất phi nông nghiệp khác

Diện tích hiện trạng năm: 0 ha.

Diện tích các loại đất khác chuyển sang đất phi nông nghiệp khác trong năm 2024 là 1,5 ha.

Đến 31/12/2024 huyện Ninh Sơn có 1,5 ha đất phi nông nghiệp khác, chiếm 0,002 % tổng diện tích tự nhiên.

3.3.3. Đất chưa sử dụng

Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 2320,19 ha đất chưa sử dụng.

Trong năm 2024 dự kiến khai thác 5,88 ha đất chưa sử dụng để sử dụng cho mục đích đất phi nông nghiệp.

Đến 31/12/2024 huyện Ninh Sơn còn lại 2314,31 ha đất chưa sử dụng, chiếm 3% diện tích tự nhiên. Phân bố trên địa bàn thị trấn Tân Sơn 49,32 ha và các xã: Lâm Sơn 428,89 ha, Lương Sơn 228 ha, Quảng Sơn 402,9 ha, Mỹ Sơn 511,67 ha, Hòa Sơn 399,22 ha, Ma Nới 10,33 ha, Nhơn Sơn 283,99 ha.

3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Để thực hiện được các mục tiêu phát triển kinh tế- hội, xây dựng cơ sở hạ tầng, khu đô thị, khu dân cư, các dự án đầu tư... ngoài khai thác quỹ đất chưa sử dụng vào sử dụng, thì phải lấy thêm từ các loại đất đang sử dụng. Năm 2024, sẽ làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang mục đích phi nông nghiệp 869,49 ha; chuyển đổi cơ cấu trong nội bộ đất nông nghiệp 20,45 ha; Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở 0,34 ha, cụ thể sau:

Biểu 16: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
-----	----------------------	----	----------------

(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	869,49
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	41,38
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>41,00</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	143,42
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	9,54
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	150,484
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	524,30
	<i>Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	<i>264,19</i>
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,21
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	0,16
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		20,45
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,34

Ghi chú: Chi tiết chia theo các -thị trấn xem biểu 07/CH.

3.5. Diện tích các loại đất cần phải thu hồi đất

Để thực hiện các công trình, dự án, xây dựng cơ sở hạ tầng, khu dân cư, các dự án đầu tư... thì phải thu hồi 818,56 ha, trong đó: thu hồi đất nông nghiệp 804,62 ha, thu hồi đất phi nông nghiệp 13,94 ha, cụ thể như sau:

Biểu 17: Kế hoạch thu hồi đất năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp	NNP	804,62
1.1	Đất trồng lúa	LUA	10,51
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>10,13</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	113,94
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	5,71
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	150,18
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	524,28
	<i>Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>24,98</i>
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	13,94
2.1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	8,97
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2,41
-	Đất giao thông	DGT	0,24
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,17
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	2,00
2.3	Đất ở tại nông thôn	ONT	2,02

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)
2.4	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,37
2.5	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,07
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0,10

Ghi chú: Chi tiết chia theo các -thị trấn xem biểu 08/CH.

3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Trong năm kế hoạch 2024 sẽ khai thác 5,88 ha đất chưa sử dụng để đưa vào sử dụng cho mục đích đất phi nông nghiệp, cụ thể sau:

Biểu 18: Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)=(5+...+13)
1	Đất nông nghiệp	NNP	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5,88
2.1	Đất cụm công nghiệp	SKN	0,28
2.2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	4,65
2,2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,95
-	Đất giao thông	DGT	0,10
-	Đất thủy lợi	DTL	0,85

Ghi chú: Chi tiết chia theo các -phường xem biểu 09/CH.

3.7. Danh mục các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Căn cứ vào Khoản 3 Mục c của Điều 1 Nghị Định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, đề nghị Sở Tài nguyên Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cập nhật 24 công trình, dự án cần thiết mà phải điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án nhưng không làm thay đổi về chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất và khu vực sử dụng đất theo chức năng trong quy hoạch sử dụng đất huyện Ninh Sơn đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 7/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, bao gồm: 02 công trình dự án mục đích quốc phòng an ninh; 03 công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; 15 công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất; 02 dự án chuyển mục đích sử dụng đất; các khu vực sử dụng đất khác có 2 dự án phải thay đổi về mã loại đất so với quy hoạch, cụ thể như sau:

- Nhóm dự án sử dụng đất mục đích quốc phòng, an ninh: Đề nghị cập nhật 02 công trình, dự án đất an ninh: (1) Trụ sở làm việc công an xã Mỹ Sơn, địa

điểm tại Tờ BĐ số 124/thửa số 83a, diện tích 0,1 ha. Lý do: theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt, trụ sở công an xã Mỹ Sơn bố trí tại tờ BĐ số 82/thửa số 1 và thửa số 7, diện tích 0,12 ha. Tuy nhiên vị trí này sau khi trừ hành lang an toàn giao thông chỉ còn lại 0,04 ha, không đáp ứng yêu cầu do đó cần điều chỉnh địa điểm theo Báo cáo số 711/BC-CAH, ngày 22/5/2023 của Công an huyện Ninh Sơn. Địa điểm mới đề xuất nằm trong quy hoạch khu dân cư thôn Phú Thủy, diện tích 0,1 ha (Địa điểm mới đã được đưa vào Quy hoạch đất an ninh); (2) Trụ sở làm việc công an xã Nhơn Sơn, địa điểm tại Tờ BĐ số 48.1/thửa số 45, 67, diện tích 0,149 ha. Lý do: theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt, trụ sở công an xã Nhơn Sơn bố trí tại khu đất chơ xã Nhơn Sơn (cũ). Tuy nhiên vị trí này phải thu hồi đất ở của một số hộ dân, chi phí giải phóng mặt bằng cao. Địa điểm mới đã được đưa vào Quy hoạch đất an ninh.

- Nhóm dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: Đề nghị cập nhật 03 dự án, cụ thể sau: (1) Trạm dừng nghỉ tại Km 90 + 900 thuộc dự án Cao tốc Bắc Nam phía Đông, phải điều chỉnh quy mô diện tích từ 4 ha, thành 11,19 ha. Trong đó diện tích đã thu hồi cho dự án Cao tốc Bắc Nam phía Đông 1,78 ha, diện tích phải thu hồi năm 2024: 9,41 ha; (2) Thu hồi bổ sung dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2017 – 2020, đoạn qua huyện Ninh Sơn 0,127 ha; (3) Bổ sung các vị trí đường gom dân sinh dọc theo tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam đoạn qua địa bàn huyện Ninh Sơn 0,476 ha.

- Nhóm dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất: Đề nghị cập nhật 15 công trình, dự án (đã có trong danh mục dự án phải thu hồi đất tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh), cụ thể như sau:

+ Các dự án sử dụng đất công trình năng lượng: có 05 dự án phải điều chỉnh về quy mô, địa điểm: (1) Dự án Cải tạo tiết diện ĐD 110 kv Đa Nhim - Trạm 220 kv Tháp Chàm: Điều chỉnh quy mô dự án (theo diện tích thực tế) từ 1,15 ha thành 1,293 ha (tăng 0,143ha), trong đó: đất lúa từ 0,23 ha thành 0,206 ha (giảm 0,024 ha), đất khác từ 0,92 ha thành 1,087 ha (tăng 0,167 ha), (văn bản số 2987/PCNT-QLDA của Tổng công ty điện lực Ninh Thuận); (2) Dự án Cải tạo nâng khả năng tải ĐD 110 kv Đa Nhim-Hạ Sông Pha-Ninh Sơn-Tháp Chàm: Điều chỉnh quy mô dự án (theo diện tích thực tế) từ 0,8 ha thành 0,743 ha (giảm 0,57ha), trong đó: đất lúa 0,2 ha (không điều chỉnh), đất khác từ 0,6 ha thành 0,543 ha (giảm 0,57 ha); (3) Dự án Nhà máy Thủy điện Thượng Sông Ông 2: Điều chỉnh ranh giới thu hồi đất (quy mô dự án 23,3 ha, không thay đổi so với QHSDD được phê duyệt). Nội dung điều chỉnh theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường (văn bản số 4404/STNMT-ĐD ngày 08/9/2023) và Công ty TNHH DG Việt Nam (văn bản số 24/CV-DGVN ngày 15/9/2023); (4) Tuyến đường dây 110kV đấu nối nhà máy điện mặt trời Mỹ Sơn (Đoạn tuyến từ VT4-DD đến ĐC): Điều chỉnh quy mô dự án (theo diện tích thực tế) từ 0,14 ha thành 0,18 ha (tăng

0,04 ha), trong đó: đất khác từ 0,14 ha thành 0,18 ha (tăng 0,04 ha); (5) Đường dây 500 kV TĐTN Bắc Ái - Ninh Sơn (quy mô 2 mạch x 25 km): Điều chỉnh quy mô dự án (*Văn bản số 2642/SCT-VP ngày 24/11/2023 của Sở Công Thương*) từ 0,72 ha thành 1,8824 ha (tăng 1,1624 ha so với diện tích trong Nghị quyết số 62/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh).

Theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Ninh Sơn được phê duyệt, chỉ tiêu đất năng lượng 1.446 ha; Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ cho huyện Ninh Sơn đến năm 2025 là 1.166 ha. Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 611,82 ha; Kế hoạch 2024 dự kiến là 639,49 ha. Như vậy việc điều chỉnh về quy mô, địa điểm của 05 dự án trên không làm thay đổi về chỉ tiêu sử dụng đất năng lượng trong quy hoạch sử dụng đất huyện Ninh Sơn đến năm 2030 đã được phê duyệt.

+ Các dự án sử dụng đất giao thông có 6 dự án phải điều chỉnh về quy mô, địa điểm: (1) Dự án Tuyến đường nối dài từ Thạch Hà- Triệu Phong và N6 đi Quốc lộ 27: Điều chỉnh quy mô dự án (theo diện tích thực tế) từ 2,3 ha thành 2,856 ha (tăng 0,556 ha); (2) Dự án nâng cấp tuyến đường Hà Huy Tập thuộc Dự án nâng cấp tuyến đường Hà Huy Tập - Trần Quang Diệu - Bùi Thị Xuân - Tà Pô Cương - Nguyễn Trọng Nghĩa - Cao Thắng, huyện Ninh Sơn: Điều chỉnh tên từ "Nâng cấp tuyến đường Hà Huy Tập"; Điều chỉnh quy mô dự án theo diện tích thực tế kiểm kê diện tích thu hồi từ 1,3 ha thành 2,24 ha (tăng 0,94ha), trong đó: đất lúa từ 0,72 ha thành 0,79 ha (tăng 0,07ha), đất khác từ 0,58 ha thành 1,45 ha (tăng 0,87 ha); (3) Dự án Đường từ thị trấn Tân Sơn đến xã Ma Nới, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận (Dự án thành phần 1): Điều chỉnh diện tích đất rừng từ 3,52 ha thành 3,81 ha (tăng 0,29 ha); điều chỉnh diện tích đất khác từ 31,9 ha thành 31,61 ha (giảm 0,29 ha); (4) Dự án Đường từ xã Ma Nới, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (Dự án thành phần 2): Điều chỉnh quy mô dự án từ 47,523 ha thành 47,293 ha (giảm 0,23ha); điều chỉnh diện tích đất rừng từ 42,15 ha thành 37,379 ha (giảm 4,771ha); điều chỉnh diện tích đất khác từ 5,373 ha thành 9,914 ha (tăng 4,541ha); (5) Dự án xây dựng tuyến đường động lực kết nối từ Cảng tổng hợp Cà Ná lên khu vực Nam Tây Nguyên, điều chỉnh một số đoạn tuyến trong bản đồ quy hoạch sử dụng đất được duyệt ông; Đối với quy mô diện tích BQLDA đề xuất: 54,23 ha, trong đó: đất rừng 50,24 ha (đất rừng phòng hộ: 22,6 ha; đất rừng sản xuất 27,64 ha), đất khác 0,76 ha (*Văn bản số 1033/BQLDA ngày 05/9/2023 của BQLDA đầu tư xây dựng các công trình Giao*). Trong kế hoạch chỉ đưa vào 28,4ha, lý do: chỉ tiêu quy hoạch chuyển mục đích đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp của huyện từ 2021-2023: 151,42 ha, hiện nay đã bố trí hết cho các dự án: Hồ chứa nước Sông Than: 112,21 ha; Đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng 37,97 ha (DATP 1: 3,33 ha; DATP 2: 34,64 ha), do đó Ủy ban nhân dân huyện chỉ đề xuất đưa vào kế hoạch 2024: 28,4 ha, trong đó có

27,64 ha đất rừng sản xuất (bằng chỉ tiêu quy hoạch được phê duyệt); (6) Mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 27, đoạn qua xã Lâm Sơn, (*Văn bản số 3068/SGTVT-QLCT ngày 15/11/2023 của Sở Giao thông vận tải*) điều chỉnh quy mô diện tích từ 0,2 ha thành 2 ha (*tăng 1,8 ha so với diện tích trong Nghị quyết số 62/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh*).

Chỉ tiêu đất giao thông quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Ninh Sơn được phê duyệt là 1.239 ha; Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ cho huyện Ninh Sơn đến năm 2025 là 1.189 ha. Hiện trạng năm 2023 huyện Ninh Sơn có 989,17 ha; Kế hoạch 2024 dự kiến là 1.075,58 ha. Như vậy việc điều chỉnh về quy mô, địa điểm của 05 dự án trên không làm thay đổi về chỉ tiêu sử dụng đất giao thông trong quy hoạch sử dụng đất huyện Ninh Sơn đến năm 2030 đã được phê duyệt.

- Các dự án sử dụng đất thủy lợi có 4 dự án phải điều chỉnh quy mô diện tích, cụ thể: cập nhật 04 dự án theo văn bản số 828/BQLDANNPTNT-DA2, ngày 06/9/2023 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (*đã được thông qua tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 14/12/2023*), bao gồm: (1) Hồ chứa nước Sông Than: Điều chỉnh quy mô dự án từ 885,51ha thành 902,8 ha (tăng 17,29 ha), trong đó: đất khác từ 280,49 ha thành 297,98 ha (tăng 17,29 ha); (2) Dự án Tiểu dự án Phát triển thủy lợi phục vụ nông nghiệp công nghệ cao Thành Sơn-Phước Nhơn (Tiểu dự án 1): Điều chỉnh quy mô dự án (theo diện tích thực tế) từ 22,46 ha thành 24,46 ha (tăng 02ha); (3) Dự án Đầu tư hoàn chỉnh kênh đường ống cấp II và Kênh cấp III thuộc hệ thống thủy lợi Sông Cái-Tân Mỹ: Điều chỉnh quy mô dự án từ 21ha thành 45,54ha (tăng 24,54 ha) trong kế hoạch giữ nguyên 21ha theo QH, lý do: tổng diện tích đất thủy lợi của 3 dự án này là 972,8 ha, quy hoạch sử dụng đất của huyện Ninh Sơn được phê duyệt, chỉ tiêu đất thủy lợi đến năm 2030 là 1.703 ha; hiện trạng năm 2023 có 687,61 ha + Diện tích của 3 dự án 972,8 ha = 1.660,41 ha (*như vậy việc điều chỉnh về quy mô, địa điểm của các dự án không làm thay đổi về chỉ tiêu sử dụng đất thủy lợi trong quy hoạch sử dụng đất huyện Ninh Sơn đến năm 2030 đã được phê duyệt, tuy nhiên do chỉ tiêu đất thủy lợi đến năm 2025 của huyện chỉ có 833 ha, vì thế nên trong KHSD đất năm 2024 giữ nguyên 21ha theo danh mục và diện tích quy hoạch được phê duyệt*); (4) Hệ Thống chuyển nước Tân Mỹ-Hồ Bà Râu-Hồ Sông Trâu (hệ thống kênh khu tưới đầu mối Sông Cái): điều chỉnh một số đoạn tuyến so với quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt và cập nhật 01 dự án theo đề nghị của Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước công văn số 864/BXDNL-GPMB ngày 17/8/2023 (*diện tích thu hồi đất không điều chỉnh*)..

- Nhóm công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất: Đề nghị cập nhật bổ sung, điều chỉnh mã loại đất quy hoạch 02 dự án, cụ thể sau: 1- Bổ sung dự án

Trung tâm thu mua – cung ứng nông sản an toàn cấp huyện trên địa bàn huyện Ninh Sơn, diện tích 1,5 ha, địa điểm tại thôn Lương Cang 2, xã Nhơn Sơn. Lý do: là dự án thí điểm Đầu tư xây dựng Trung tâm thu mua – cung ứng nông sản an toàn cấp huyện đã được bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 09/5/2023 của HĐND tỉnh bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 các Chương trình mục tiêu quốc gia và Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh về việc bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 các Chương trình mục tiêu quốc gia. Dự án có mục đích công cộng, không nhằm mục đích kinh doanh và công trình không gắn liền với đất ở, theo Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ tài nguyên và Môi trường được xếp vào loại đất phi nông nghiệp khác (PNK). Theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Ninh Sơn thì khu vực dự án là đất trồng cây hàng năm khác, cần phải điều chỉnh thành đất phi nông nghiệp khác để thực hiện dự án (*Chỉ tiêu diện tích đất phi nông nghiệp khác (PNK) quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Ninh Sơn được phê duyệt là 142,72 ha. Kế hoạch 2024 dự kiến là 1,5 ha. Như vậy việc bổ sung dự án trên không làm thay đổi về chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp khác trong quy hoạch sử dụng đất huyện Ninh Sơn đến năm 2030 đã được phê duyệt và không chồng lấn với dự án khác*); 2- Điều chỉnh mã loại đất trên bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Ninh Sơn của dự án Trang trại Sun and Wind (giai đoạn 2), lý do: theo Quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư thì toàn bộ diện tích 4,85 ha của Dự án Trang trại Sun and Wind (giai đoạn 2) là đất trồng ổi, chà là (*mã loại đất quy hoạch là CLN*). Tuy nhiên trong ranh giới dự án (4,85 ha) so với bản đồ quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt chỉ có 2,87 ha là đất (CLN) còn lại 1,98 ha là đất (NKH), do vậy cần phải điều chỉnh mã loại đất quy hoạch từ (NKH) thành (CLN) trên bản đồ phần diện tích 1,98 ha.

- Các khu vực sử dụng đất khác: Đề nghị điều chỉnh mã loại đất trên bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Ninh Sơn so với bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của 02 dự án, cụ thể sau: 1- Nhà máy giết mổ gia súc, gia cầm tại xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn. Mã loại đất trên bản đồ quy hoạch là TMD, đề nghị điều chỉnh mã loại đất trên bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là (SKC) (*Dự án đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh*); 2- Mở rộng tổ hợp sản xuất, chế biến vật liệu xây dựng (Công ty TNHH TM&XD Sơn Long Thuận). Mã loại đất trên bản đồ quy hoạch là SKX, đề nghị điều chỉnh mã loại đất trên bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là (SKC) (*Dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 43121000225 ngày 20/12/2013*) (có phụ lục 5 kèm theo)

Tổng hợp danh mục công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Ninh Sơn như sau:

- Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh: 10 dự án/10,74 ha, trong đó: công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh 07 công trình/0,73 ha; công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng 03 công trình/10,01 ha.

- Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất, tổng số có 31 công trình, dự án/897,05 ha, gồm: 30 dự án/896,45 ha đã có trong danh mục dự án phải thu hồi đất tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh (trong đó có 2 dự án điều chỉnh tăng diện tích so với Nghị quyết số 62/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể: 1- dự án Mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 27, đoạn qua xã Lâm Sơn. Điều chỉnh diện tích từ 0,2 ha thành 2 ha, tăng 1,8 ha; 2- dự án Đường dây 500 kV TĐTN Bắc Ái - Ninh Sơn. Điều chỉnh diện tích từ 0,72 ha thành 1,89 ha, tăng 1,17 ha) và 01 dự án/0,6 ha chưa có trong danh mục dự án phải thu hồi đất tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh (Chợ Quảng Sơn).

- Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất: 09 dự án/79,97 ha, trong đó: Dự án năm 2023 chuyển tiếp thực hiện năm 2024: 06 dự án/28,43 ha; Dự án đăng ký mới năm 2024: 03 dự án/51,54 ha.

- Các khu vực sử dụng đất khác: 70 khu vực/182,52 ha, bao gồm: Cho thuê đất: 12 khu vực/56,12 ha; Đấu giá quyền sử dụng đất: 20 khu vực/10,04 ha; Giao đất: 27 khu vực/84,77 ha; Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức: 2 cơ sở/0,13 ha; Hộ gia đình, cá nhân đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất: 09 khu vực/31,46 ha, trong đó: chuyển mục đích đất ở 08 khu vực/31,41 ha; chuyển mục đích đất thương mại dịch vụ 01 khu vực/0,05 ha.

(Xem chi tiết Biểu 10/CH)

3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất 2024

a) Cơ sở tính toán

- Căn cứ Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Căn cứ Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu

hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Ninh Sơn; diện tích giao đất, bán đấu giá quyền sử dụng đất; các loại đất chuyển đổi mục đích sử dụng đất và diện tích phải thu hồi đất trong năm 2024.

b) Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất 2024

- Tổng nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất: 112,189 tỷ đồng.

- Tổng chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 103,79 tỷ đồng.

- Cân đối tổng nguồn thu cao hơn tổng chi phí khoảng 8,39 tỷ đồng.

(xem chi tiết phụ lục 08)

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Các giai pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu

- Trong sản xuất nông nghiệp cần áp dụng các biện pháp canh tác luân canh, đầu tư cân đối các loại phân bón, trong đó chú trọng bón các loại phân hữu cơ, phân vi sinh để cải tạo độ phì nhiêu đất và nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh phải có phương án xử lý chất thải để tránh ô nhiễm môi trường; cần phải thường xuyên thanh tra, kiểm tra và xử phạt các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

- Trong quá trình triển khai các dự án cụ thể về xây dựng cụm công nghiệp, các nhà máy, các cơ sở sản xuất công nghiệp,... cần chấp hành và tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với các ngành của tỉnh xây dựng và tăng cường năng lực dự báo thời tiết và cảnh báo thiên tai trên địa bàn huyện, thường xuyên cập nhật, hoàn thiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Chuyển đổi cơ cấu, giống cây trồng vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu. Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất trong đó chú trọng phát triển các loại giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản thích ứng với biến động thời tiết. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác mới, quan tâm nhiều hơn đến môi trường và khai thác bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên; hướng đến nền nông nghiệp hàng hóa, sạch, đa dạng, phát triển bền vững.

- Tăng cường các biện pháp điều tiết nguồn nước bảo đảm phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện; áp dụng công nghệ và phương pháp sản xuất tiết kiệm nước; chủ động phòng chống và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước. Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.

- Nâng cao nhận thức, kỹ năng phòng tránh thiên tai cho cộng đồng; xây dựng cơ chế, chính sách bảo đảm sinh kế cho người dân những vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng nặng nề của vùng thường xuyên bị tác động của thiên tai.

4.2. Các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Phổ biến, giáo dục và nâng cao nhận thức chính sách pháp luật đất đai cho các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư toàn huyện; tăng cường hoạt động tuyên truyền, phổ biến thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng tại các khu dân cư, tổ dân phố để người dân đồng thuận thực hiện thu hồi đất cho các dự án phát triển cơ sở hạ tầng, khu đô thị,.... Đặc biệt là tuyên truyền về đăng ký chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất ở của các hộ gia đình, cá nhân phải nằm trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt và phù hợp với các quy hoạch ngành thì mới được thực hiện quyền chuyển mục đích sử dụng đất.

- Thực hiện việc công bố công khai kế hoạch sử dụng đất toàn huyện sau khi được UBND tỉnh phê duyệt và tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- UBND huyện phối hợp tốt và thường xuyên với các cấp, ngành tham gia xây dựng kế hoạch sử dụng đất để tổng hợp đầy đủ nhu cầu sử dụng đất các dự án của các cấp, ngành trong năm kế hoạch sử dụng đất.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ tổng thể đến các địa phương để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế- hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; dựa trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất toàn huyện được UBND tỉnh phê duyệt.

- Tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quy hoạch phát triển cụm công nghiệp; đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp. Việc sử dụng đất cho mục đích phi nông nghiệp phải theo kế hoạch, tiết kiệm và hiệu quả. Có cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút các nhà đầu tư vào xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển cụm công nghiệp; phát triển du lịch, dịch vụ.

- Thực hiện việc quản lý đất đai theo kế hoạch: Bao gồm việc thẩm định dự án, xét duyệt dự án, thu hồi đất và giao đất phải theo đúng kế hoạch.

- Kiểm soát chặt chẽ và giảm diện tích đất lúa sang sử dụng vào các mục đích khác phù hợp theo kế hoạch; tiết kiệm cao nhất diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

- Thực hiện những chính sách ưu đãi những hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất, hết đất sản xuất, phải chuyển đến ở tại các khu tái định cư, phải tốt hơn nơi ở cũ và hỗ trợ đào tạo nghề, ưu tiên thu hút vào làm việc tại các cơ sở sản xuất kinh doanh đã thu hồi đất.

- Khuyến khích nhân dân được chuyển mục đích sử dụng đất những thửa đất đan xen, có diện tích nhỏ phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt để thuận lợi trong quản lý và có nguồn thu ngân sách.

- Phát huy chính sách liên kết đầu tư giữa các doanh nghiệp và nhân dân góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

- UBND các xã, thị trấn căn cứ theo kế hoạch sử dụng đất của huyện đã được duyệt, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất thuộc phạm vi ranh

giới hành chính cấp mình theo đúng quy định pháp luật.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch sử dụng đất cho UBND huyện biết để làm cơ sở điều chỉnh cho năm sau.

4.3. Các giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư

- Các chủ đầu tư của các công trình dự án cần phải bố trí đủ nguồn vốn để bồi thường đất, hỗ trợ, tái định cư.

- Huy động nhiều nguồn vốn và quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước, để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng hội quan trọng theo nguyên tắc đồng bộ, tập trung, không dàn trải, có tính hữu dụng cao để tạo bước đột phá về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Thực hiện huy động nguồn lực đất đai, đầu tư bán đấu giá quỹ đất ở các vị trí có lợi thế, khu vực các trục giao thông... để tăng nguồn thu ngân sách, tạo việc làm, phát triển thương mại dịch vụ....

- Vận động nhân dân hiến đất, góp vốn, hội hóa nguồn vốn để xây dựng các công trình dự án phục vụ cho mục đích công cộng, dân sinh như: giao thông nông thôn, các khu vui chơi giải trí nông thôn...

- Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh để thu hút đầu tư.

- Để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, công tác giải phóng mặt bằng được thực hiện nhanh và đảm bảo quyền lợi cho doanh nghiệp cũng như các đối tượng bị thu hồi đất đối với dự án sản xuất, kinh doanh phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thực hiện cơ chế doanh nghiệp tự thỏa thuận với người sử dụng đất để thực hiện dự án của mình.

- Việc quản lý và khai thác đai đai ven các tuyến đường mới được đầu tư: thu hồi đất để cải tạo chỉnh trang đô thị, gắn với xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-hội, đáp ứng nhu cầu phát triển công cộng. Khai thác những vị trí thuận lợi cho kinh doanh để tạo nguồn thu từ đất.

4.4. Giải pháp về khoa học, công nghệ

- Ứng dụng các giống chịu hạn, tiết kiệm nước trong sản xuất nông nghiệp.

- Trong sản xuất công nghiệp - TTCN; chế biến nông nghiệp, thủy sản phải áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại để hạn chế tác hại của chất thải gây ô nhiễm đất canh tác, nguồn nước và môi trường xung quanh.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ninh Sơn được lập trên nguyên tắc các dự án đưa vào thực hiện trong kế hoạch phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Ninh Sơn được phê duyệt tại Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận; phù hợp với Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận Về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất tỉnh thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất tỉnh 5 năm (2021-2025) cho các huyện, thành phố. Phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 của huyện và các ngành lĩnh vực phát triển của tỉnh; Danh mục các dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích đất trồng lúa trong kế hoạch sử dụng đất của huyện phù hợp với Danh mục các dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các nghị quyết số 62/NQ-HĐND và Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Trên cơ sở đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các ngành, địa phương; đồng thời đối chiếu với kế hoạch phân bổ nguồn vốn năm 2024 để đề xuất thực hiện công trình. Bản kế hoạch đã đánh giá những thuận lợi và khó khăn về điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội đối với việc khai thác nguồn tài nguyên đất đai vào phát triển sản xuất và đời sống; đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước và xác định những tồn tại; lựa chọn những công trình, dự án năm trước còn phù hợp, kết hợp với kết quả đăng ký sử dụng đất của các ngành trên địa bàn... để làm cơ sở lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 nhằm đạt được mục tiêu đề ra.

Chỉ tiêu cụ thể cho các nhóm đất chính trong năm kế hoạch 2024 như sau:

- Đất nông nghiệp: 68367,41 ha chiếm 88,6% tổng diện tích tự nhiên;
- Đất phi nông nghiệp: 6483,02 ha, chiếm 8,4% tổng diện tích tự nhiên;
- Đất chưa sử dụng: 2314,31 ha chiếm 3% tổng diện tích tự nhiên.

Thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Ninh Sơn sẽ góp phần đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội mà Đại hội Đảng bộ huyện đã đề ra cho giai đoạn 2021-2025, trong đó có kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng tích cực, thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện theo hướng ứng dụng công nghệ cao, nâng cao giá trị gia tăng và thích ứng với biến đổi khí hậu; góp phần đẩy nhanh tiến độ hoàn thành Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

II. KIẾN NGHỊ

Để kịp thời phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt KHSD đất năm 2024 của huyện Ninh Sơn.